

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Cao Thị Lan Chi**

Giảng viên hướng dẫn : **TS. Trần Văn Hợi**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK
QUANG TIẾN.**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Cao Thị Lan Chi

Giảng viên hướng dẫn : TS. Trần Văn Hợi

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Cao Thị Lan Chi

Mã SV: 110433

Lớp : QT1105K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: *Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quang Tiến.*

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.
 - Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sổ sách, số liệu kế toán của công ty trong năm 2010.
 - Hoá đơn chứng từ phát sinh trong năm 2010.
 - Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của công ty.
 - Và các số liệu tham khảo khác.
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quang Tiến – Số 45
Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: TRẦN VĂN HỘI

Học hàm, học vị: Tiến sĩ kinh tế

Cơ quan công tác: Khoa kế toán – Học viện Tài chính

Nội dung hướng dẫn: Hướng dẫn đề tài tốt nghiệp

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Sinh viên Cao Thị Lan Chi, MS 110433, Lớp QT 1105K chịu khó tìm hiểu hoàn thành khóa luận của mình.
- Chịu khó xuống thực tế lấy số liệu.
- Có tinh thần cầu thị.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Nội dung khóa luận đảm bảo nội dung – yêu cầu về mặt lý luận và thực tiễn về kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh.
- Có số liệu thực tế có nguồn gốc đáng tin cậy.
- Là công trình nghiên cứu công phu, độc lập của tác giả.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

9,5 (Chín rưỡi).

Hải Phòng, ngày 23 tháng 06 năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

MỤC LỤC**LỜI MỞ****ĐẦU.....1s****CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....3****1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....3**

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh

doanh.....3

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh...4

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.....4

1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....5

1.2.1. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:.....5

1.2.2. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp.....7

1.2.3. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.....9

1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:12

1.3 Kế toán doanh thu.....13

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....13

1.3.2. Kế toán doanh thu tài chính.....15

1.3.3. Kế toán doanh thu hoạt động khác.....16

1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....18

1.4.1. Kế toán chiết khấu thương mại.....18

1.4.2. Kế toán hàng bán bị trả lại.....19

1.4.3. Kế toán giảm giá hàng bán.....19

1.5. Kế toán các khoản chi phí.....20

1.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....20

1.5.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....24

1.5.3. Kế toán chi phí tài chính.....27

1.5.4. Kế toán chi phí hoạt động khác.....	29
1.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	31
1.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	33
CHƯƠNG II: CÔNG TÁC TỔ CHỨC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU QUANG TIẾN.....	34
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY.....	34
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.....	34
2.1.2. Chức năng ngành nghề kinh doanh.....	37
2.1.3. Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.....	37
2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.....	40
2.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU QUANG TIẾN. (Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến).....	43
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến ...	43
2.2.2. Kế toán doanh thu tài chính	53
2.2.3. Kế toán chi phí tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.....	56
2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	56
2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.....	60
2.2.3.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.....	63
2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	66
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.....	78
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.....	78
3.1.1. Ưu điểm:.....	79

3.1.2. Hạn chế:.....	81
3.1.3 Nguyên nhân của thực trạng.....	83
3.2. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.....	83
3.3. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.....	84
3.4. NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.....	85
3.5. CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.....	86
3.5.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ.....	86
3.5.2.Kiến nghị 2: Về hệ thống sổ kế toán:.....	86
3.5.3.Kiến nghị 3: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán...98	
3.5.4.Kiến nghị 4: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm.....	99
3.5.5.Kiến nghị 5: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi....	100
3.5.6. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty:.....	102
3.6. Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.....	102
KẾT LUẬN.....	104
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	105

LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một tế bào quan trọng trong nền kinh tế quốc dân thống nhất. Sự phát triển không ngừng của các doanh nghiệp sẽ góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phát triển phồn vinh thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường đã mang lại cơ hội thách thức lớn cho các doanh nghiệp đồng thời mang lại những lợi ích cho người tiêu dùng. Các doanh nghiệp muốn tồn tại thì phải tìm được các phương thức sản xuất kinh doanh phù hợp với sản phẩm của mình để có thể cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu của thị trường. Chính vì vậy, các doanh nghiệp phải giám sát từ khâu đầu tiên đến khâu cuối cùng, từ khi tìm nguồn thu mua nguyên liệu, đến khi tìm được thị trường tiêu thụ sản phẩm. Để đảm bảo cho việc an toàn tăng tốc chu chuyển vốn, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, cải thiện đời sống lao động và có lợi nhuận để mở rộng sản xuất. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý, mọi yếu tố liên quan đến sản xuất kinh doanh.

Để tìm hiểu được chỗ đứng của mình trên thị trường, doanh nghiệp phải khai thác tốt tiềm năng bên trong của mình kết hợp với việc sử dụng có hiệu quả các công cụ quản lý trong đó có kế toán. Cũng giống như nhiều doanh nghiệp khác để hòa nhập với nền kinh tế thị trường, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quang Tiên luôn chú trọng công tác hạch toán kế toán sao cho ngày càng hoàn thiện và đạt hiệu quả tốt nhất. Đặc biệt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là mối quan tâm hàng đầu của mỗi doanh nghiệp trên phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, cùng với sự giảng dạy tận tình của thầy giáo, tiến sĩ Trần Văn Hợi và các cán bộ nhân viên văn phòng kế toán của Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiên, em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài ***“Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Quang Tiên”***.

Nội dung của bài khoá luận ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 chương :

- **Chương 1 : Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**
- **Chương 2 : Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.**
- **Chương 3 : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.**

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Theo chuẩn mực số 14 doanh thu và thu nhập khác ban hành và công bố theo quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính và thông tư số 89/2002/TT-BTC thì:

- **Doanh thu:** Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- **Chiết khấu thương mại:** Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với số lượng lớn.

- **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

- **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

- **Chiết khấu thanh toán:** Là khoản tiền người bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn theo hợp đồng.

- **Chi phí:** Là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể, hay nói một cách khác thì chi phí chính là số tiền phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch, v.v...nhằm mua được các loại hàng hoá, dịch vụ cần thiết cho quá trình sản xuất, kinh doanh.

- **Xác định kết quả kinh doanh:** Là việc các định số tiền lãi, lỗ từ các loại hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

1.1.2. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Trong nền kinh tế thị trường với cơ cấu đa ngành nghề như hiện nay thì với mỗi loại hình doanh nghiệp khác nhau có những phương thức kinh doanh khác nhau, có những vị thế, chiến lược khác nhau trên thương trường.

Đối với một doanh nghiệp, bán hàng là khâu cuối cùng của một vòng chu chuyển vốn, là quá trình chuyển đổi tài sản từ hình thái hiện vật sang hình thái tiền tệ, do vậy bán hàng có ý nghĩa vô cùng quan trọng - quyết định thành bại, là quá trình thực hiện lợi nhuận, xác định kết quả kinh doanh - mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp.

Xác định kết quả kinh doanh là xác định số tiền lãi (lỗ), là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một thời kỳ nhất định của một doanh nghiệp, là điều kiện tốt nhất để cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và lựa chọn phương án sản xuất kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả nhất đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên có liên quan.

Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho ban lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt được tình hình tiêu thu, thu hồi các khoản phải thu của khách hàng, nắm bắt được kết quả kinh doanh của một kỳ, đưa ra phương hướng, kế hoạch cho kỳ tới. Chính vì thế làm tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ quyết định sự thành bại của doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh.

Để đáp ứng yêu cầu quản lý doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.

- Ghi chép và phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

- Tính toán và phân bổ đúng đắn, chính xác các khoản chi phí liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khoản thuế phải nộp nhà nước và tình hình phân phối các kết quả hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định kết quả kinh doanh, tham mưu cho ban lãnh đạo để đưa ra các quyết định tài chính cho doanh nghiệp.

1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.

1.2.1. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:

* *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Bán hàng và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- + Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.
- + Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại.

- Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Với phương thức đại lý ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

* **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

* **Doanh thu hoạt động tài chính:** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tì chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

* **Thu nhập khác:** Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu khó đòi xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.2.2. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp.

Trong điều kiện kinh doanh hôm nay, để đẩy mạnh bán ra thu hồi nhanh chóng tiền bán hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Nếu khách hàng mua với khối lượng hàng hoá lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hoá doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

* **Chiết khấu thương mại:**

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo

thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán.

* **Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

* **Giá trị hàng bán bị trả lại:**

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

* **Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đó tiêu thụ, giá tính thuế và thuế xuất của từng mặt hàng.

Trong đó:

- Thuế TTĐB: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.2.3. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.3.1. Khái niệm:

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

1.2.3.2. Các loại chi phí:

* **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

* **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

+ Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận

chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: Phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí bảo hành, sửa chữa công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

+ Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí hội nghị khách hàng, vé cầu phà, chi cho KH.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp(CPQLDN): Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. CPQLDN bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung cho toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung gồm:

+ Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

+ Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý của doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ,...(Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT).

+ Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

+ Thuế, phí và lệ phí: Các chi phí về thuế, phí và lệ phí như tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác....

+ Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác QLDN, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào CPQLDN, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

+ Chi phí bằng tiền khác; Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

* **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

* **Chi phí khác:** Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác....

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.2.4. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác.

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (Lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính; Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3. Kế toán doanh thu.

1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

*** Chứng từ kế toán:**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng....
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho....

*** Tài khoản kế toán:**

- TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”: phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và nghiệp vụ sau:

Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hoá mua vào.

Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thoả thuận theo hợp đồng trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

TK 511 được mở chi tiết TK cấp 2

TK 5111–Doanh thu bán hàng hoá.

TK 5112–Doanh thu bán các thành phẩm.

TK 5113–Doanh thu cung cấp dịch vụ.

TK 5117-Doanh thu hoạt động bất động sản đầu tư.

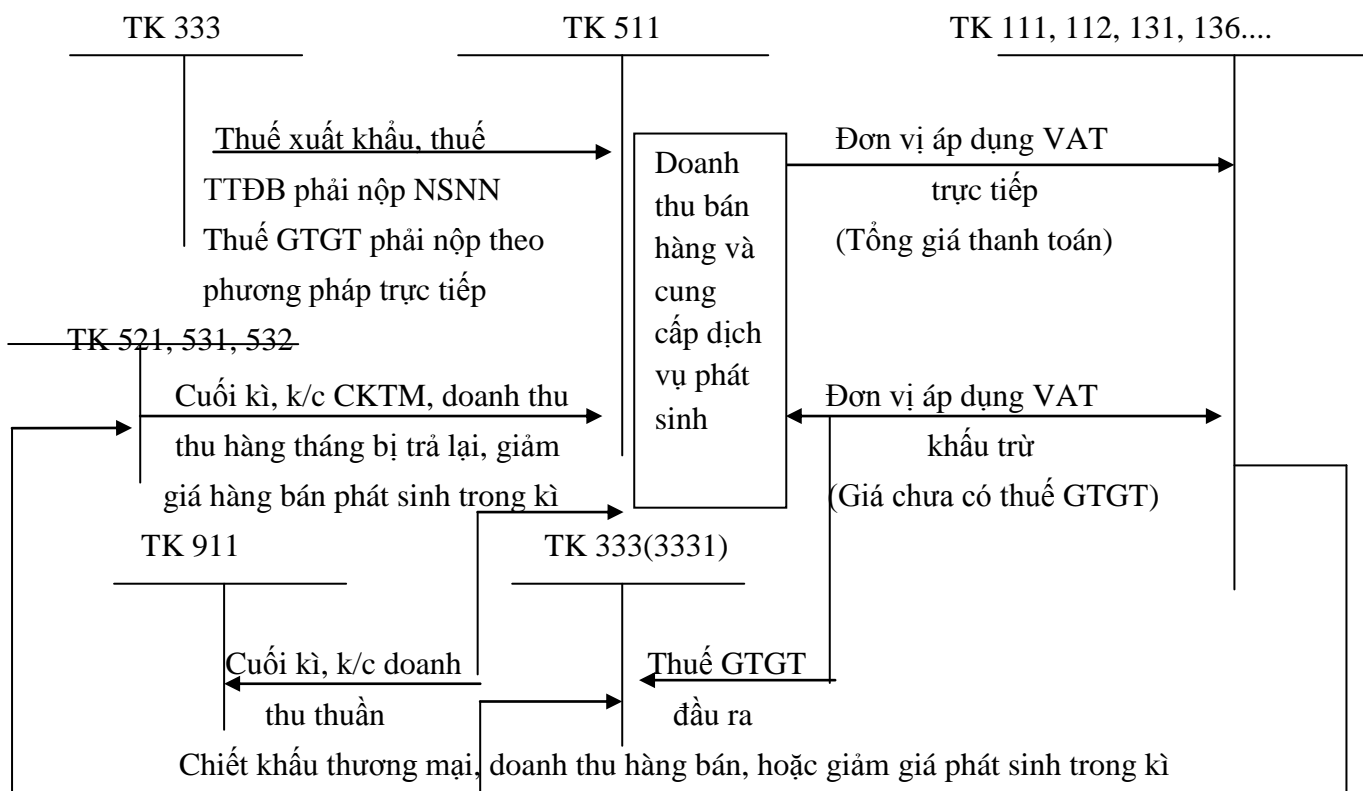
TK 5118–Doanh thu khác.

*** Sổ sách sử dụng:**

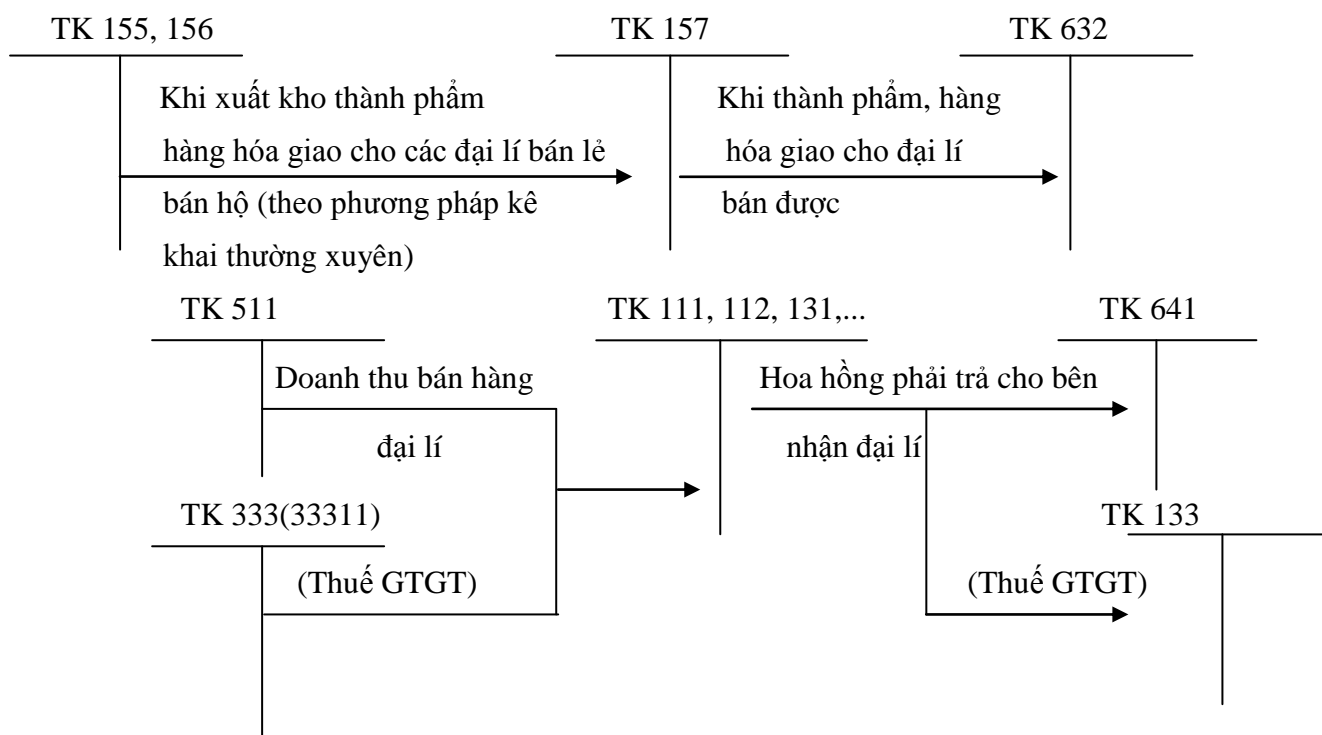
- Sổ chi tiết TK 511
- Sổ cái TK 511.
- Nhật ký chung.

*** Quy trình hạch toán:**

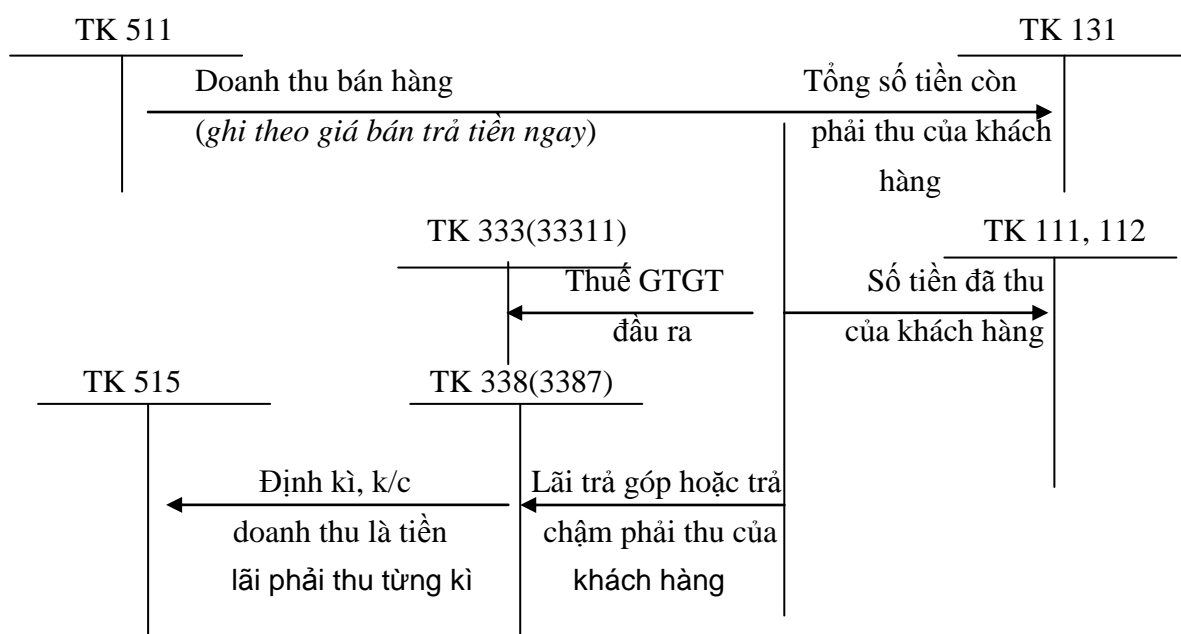
Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.



Sơ đồ 1.2: Kế toán hàng bán thông qua đại lí (Theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng).



Sơ đồ 1.3: Kế toán theo phương pháp trả chậm (hoặc trả góp).



1.3.2. Kế toán doanh thu tài chính.

*** Chứng từ kế toán:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;

- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

*** Tài khoản kế toán:**

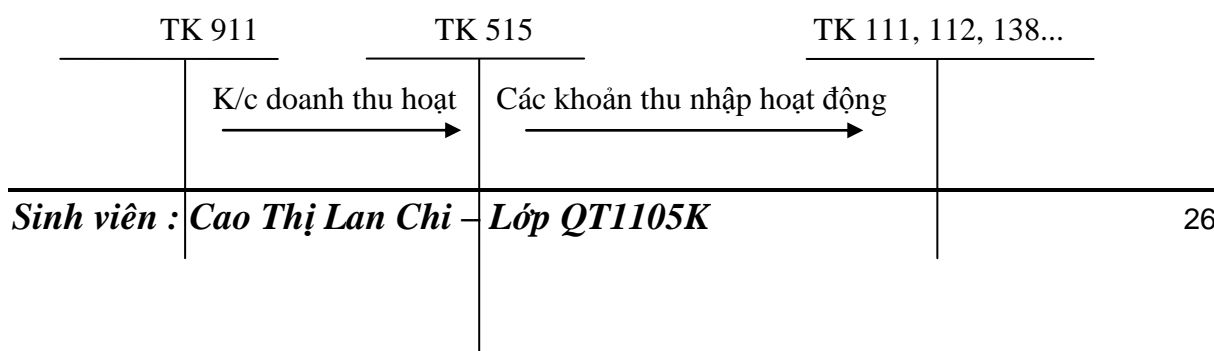
- TK 515 “Doanh thu hoạt động tài chính” : phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp đã được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt doanh thu đã thu được hay sẽ thu được tiền.

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 515.
- Nhật ký chung.

*** Quy trình hạch toán:**

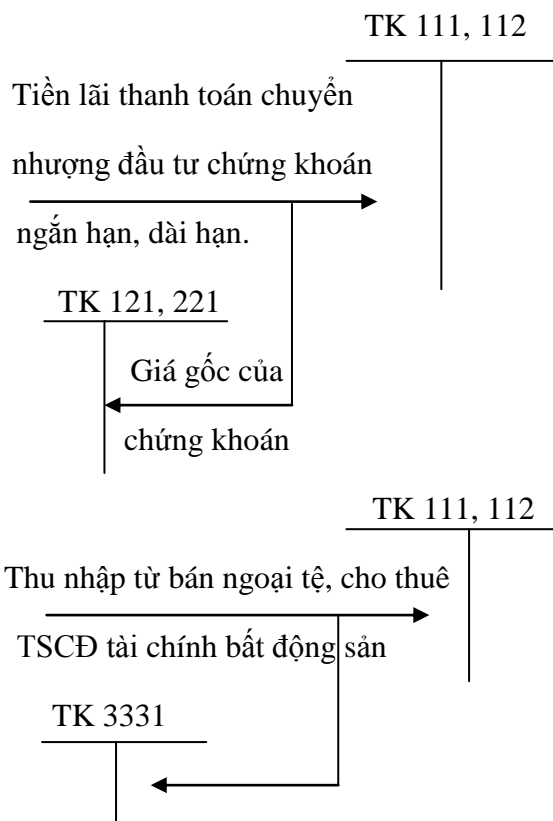
Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



động tài chính.

động k/d. Định kì thu lãi tín phiếu

trái phiếu cổ tức được hưởng.



1.3.3. Kế toán doanh thu hoạt động khác.

*** Chứng từ kế toán:**

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi....
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế.

*** Tài khoản kế toán:**

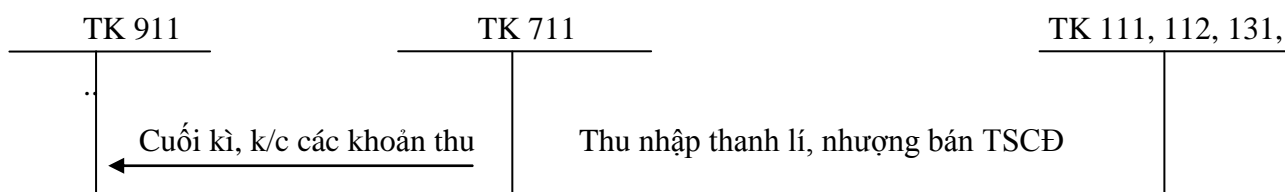
- TK 711 "Thu nhập khác"

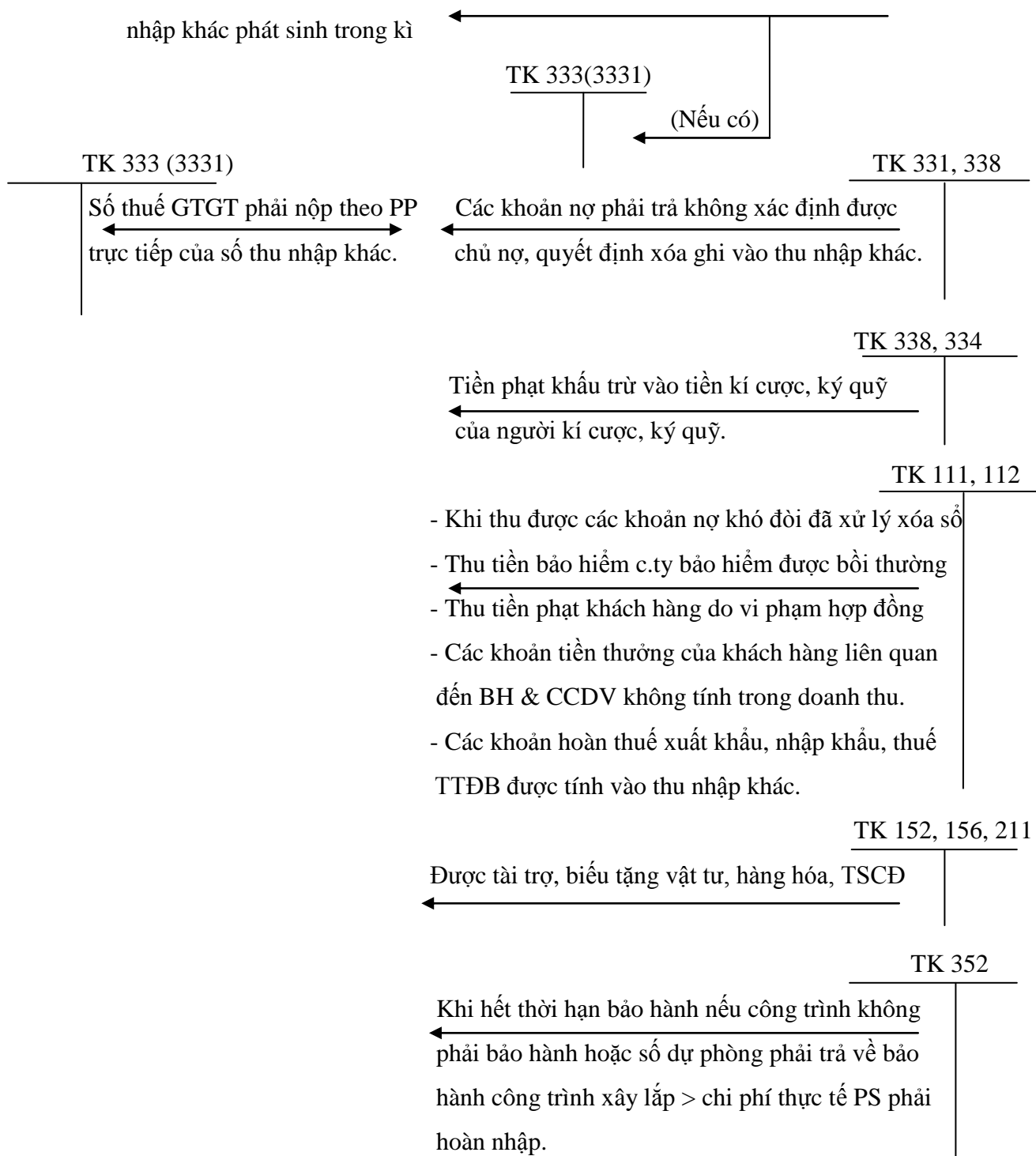
*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 711.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.5: Hạch toán thu nhập khác.





1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

*** Chứng từ kế toán:**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của nhân hàng....

- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 531, 532, 521

- Nhật ký chung, và các sổ sách liên quan.

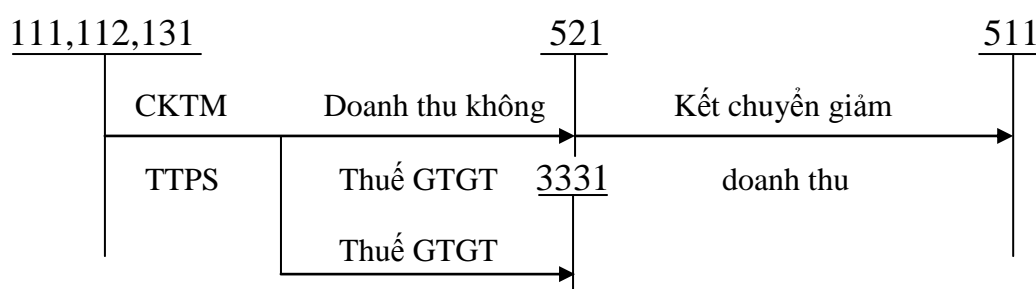
1.4.1. Kế toán chiết khấu thương mại.

*** Tài khoản kế toán:**

- *Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”(CKTM):* Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán khoản chiết khấu thương mại.



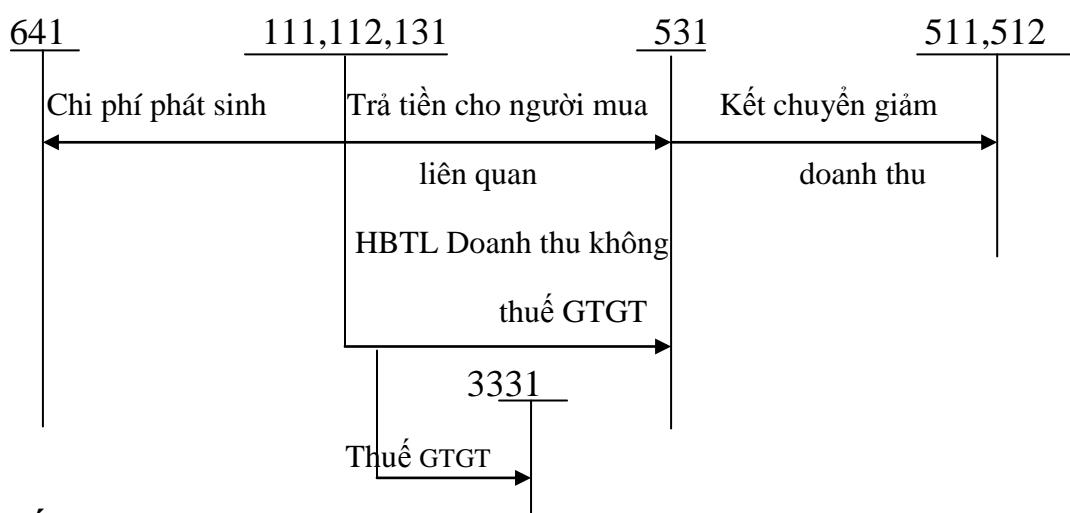
1.4.2. Kế toán hàng bán bị trả lại.

*** Tài khoản kế toán:**

- *Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”:* Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.7 : Sơ đồ hạch toán Hàng bán bị trả lại.



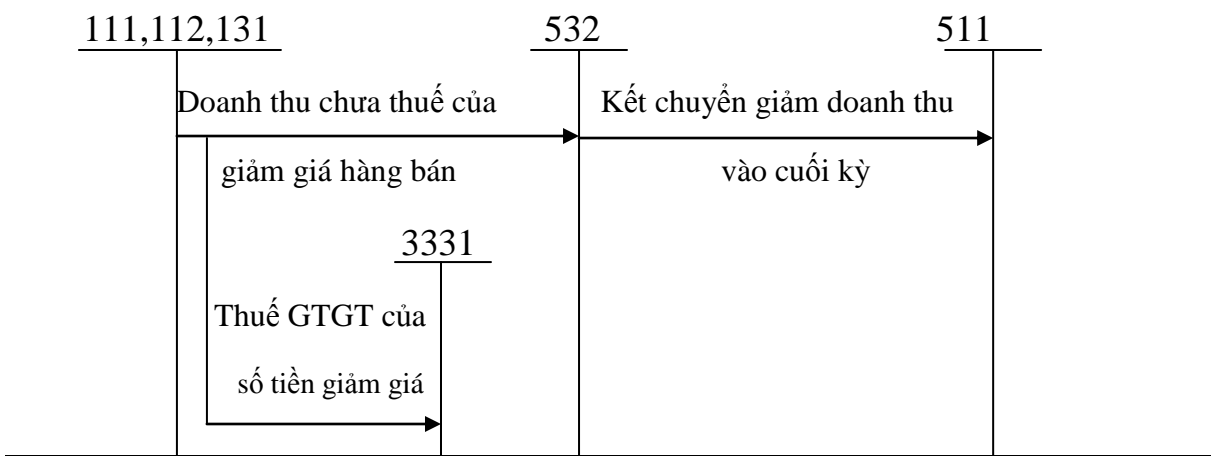
1.4.3. Kế toán giảm giá hàng bán.

* Tài khoản sử dụng :

- Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”: Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

* Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.8 : Sơ đồ hạch toán giảm giá hàng bán.



1.5. Kế toán các khoản chi phí.

1.5.1. Kế toán giá vốn hàng bán.

* *Các phương pháp xác định giá vốn hàng tồn kho:*

♦ Phương pháp bình quân gia quyền:

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả hàng nhập kho. Theo phương pháp này, giá thực tế hàng xuất kho được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Lượng thực tế hàng xuất kho} \times \text{Giá đơn vị bình quân của hàng xuất kho}$$

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo các cách sau:

• *Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ :*

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá thực tế bình quân} \\ \text{=} \end{array} \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của TP tồn đầu kỳ} \\ \text{+} \\ \text{Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá vốn thực tế của TP nhập trong kỳ} \\ \text{+} \\ \text{Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ} \end{array}}{\text{Số lượng thành phẩm tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng thành phẩm nhập trong kỳ}}$$

Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ tính toán đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao và chỉ tính được khi đã kết thúc kỳ hạch toán nên công việc dồn vào cuối kỳ.

• *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

Nghĩa là sau mỗi lần nhập kế toán phải tính toán lại giá đơn vị bình quân 1 lần.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} \\ \text{=} \end{array} \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

Phương pháp này có độ chính xác cao, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả, vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán nhưng tốn nhiều công sức vì phải tính toán nhiều.

♦ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FiFo):*

Theo phương pháp này, giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, trị giá hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối hoặc gần cuối kỳ.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm để tránh trường hợp rủi ro.

♦ **Phương pháp nhập sau, xuất trước (LiFo):**

Theo phương pháp này, giả định lượng hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên, xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

Phương pháp này thường áp dụng trong trường hợp lạm phát.

♦ **Phương pháp thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

Phương pháp này thường áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt (dễ nhận diện), có điều kiện bảo quản riêng từng lô hàng nhập kho.

* **Chứng từ kế toán:**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Hoá đơn bán hàng thông thường

* **Sổ sách kế toán:**

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632, 154, 156, 911

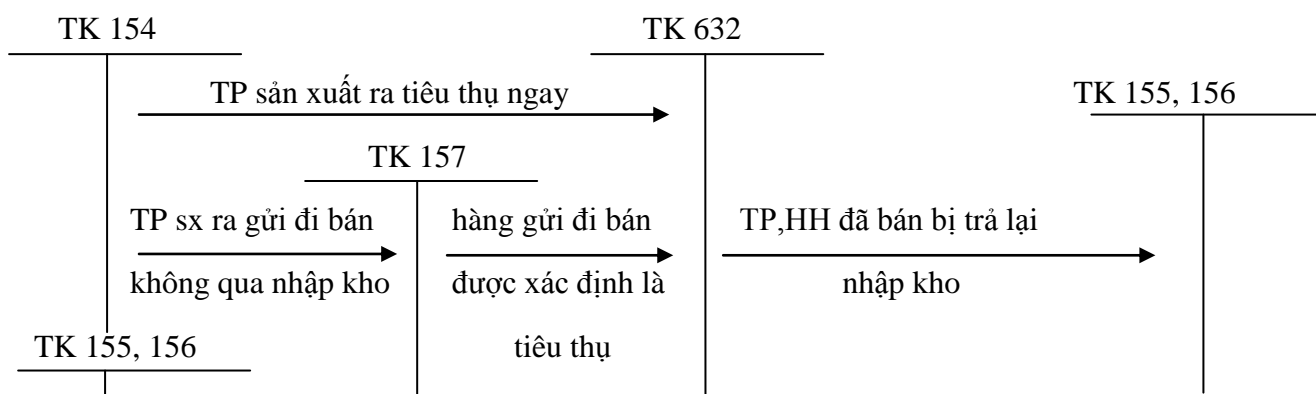
✚ Theo phương pháp kê khai thường xuyên: là phương pháp hạch toán phản ánh thường xuyên liên tục tình hình nhập, xuất, tồn các loại thành phẩm, hàng hoá trên các TK và sổ kế toán tổng hợp khi có các chứng từ nhập, xuất kho. Giá vốn thực tế của thành phẩm, hàng hoá xuất kho được tính toán căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất kho và phương pháp tính giá vận dụng ở các doanh nghiệp để ghi sổ.

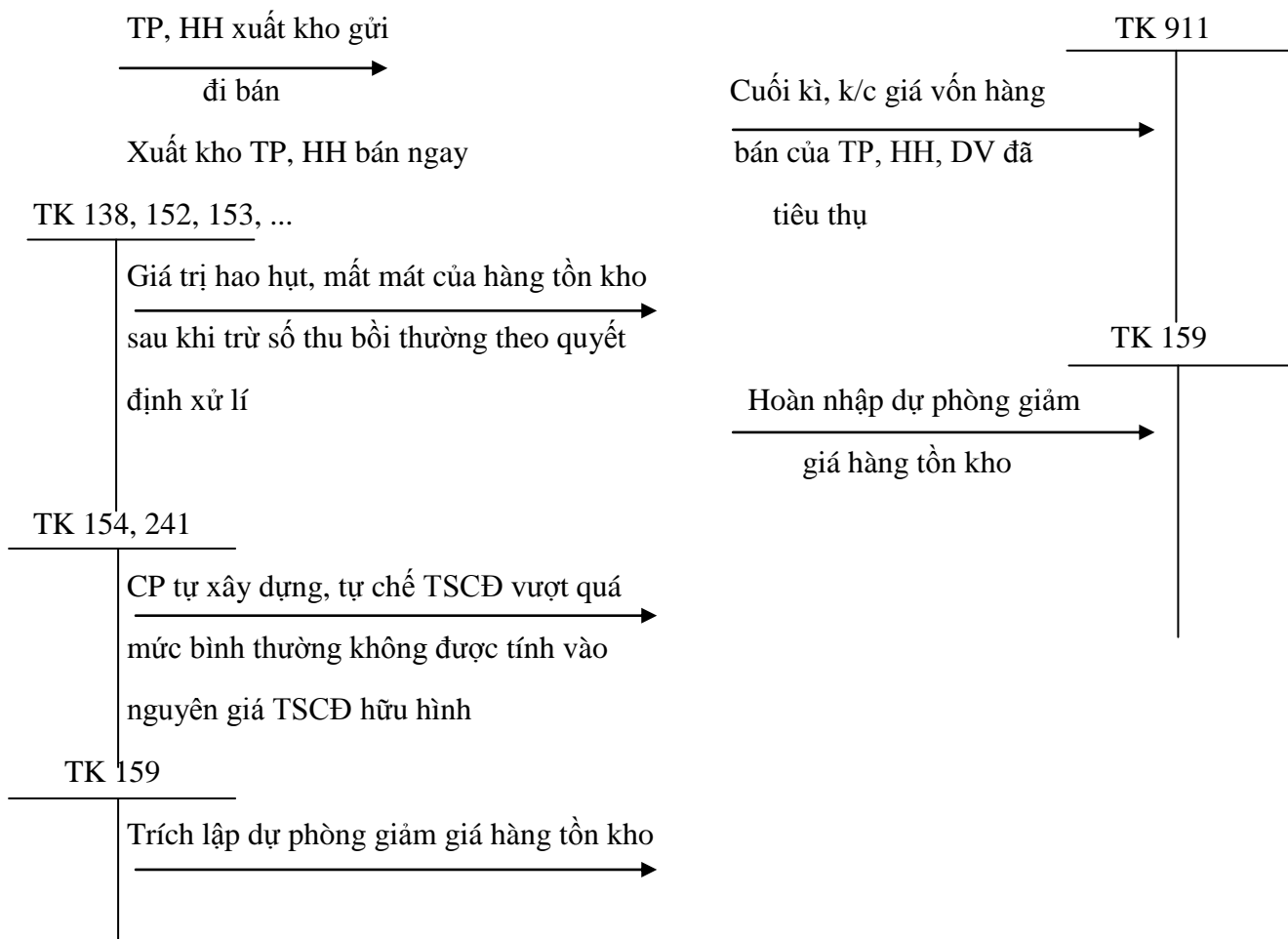
*** Tài khoản kế toán:**

- Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.9: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX.





Phương pháp kiểm kê định kỳ : là phương pháp hạch toán không phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất, tồn các loại thành phẩm, hàng hoá trên các TK và các sổ tổng hợp mà chỉ theo dõi trên các TK giá trị hàng tồn kho đầu kỳ và tồn cuối kỳ thông qua việc kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn của hàng xuất kho theo phương pháp cân đối. Giá vốn thực tế của thành phẩm xuất kho chỉ phản ánh tổng số, không phân tích chi tiết theo từng mục đích xuất dùng.

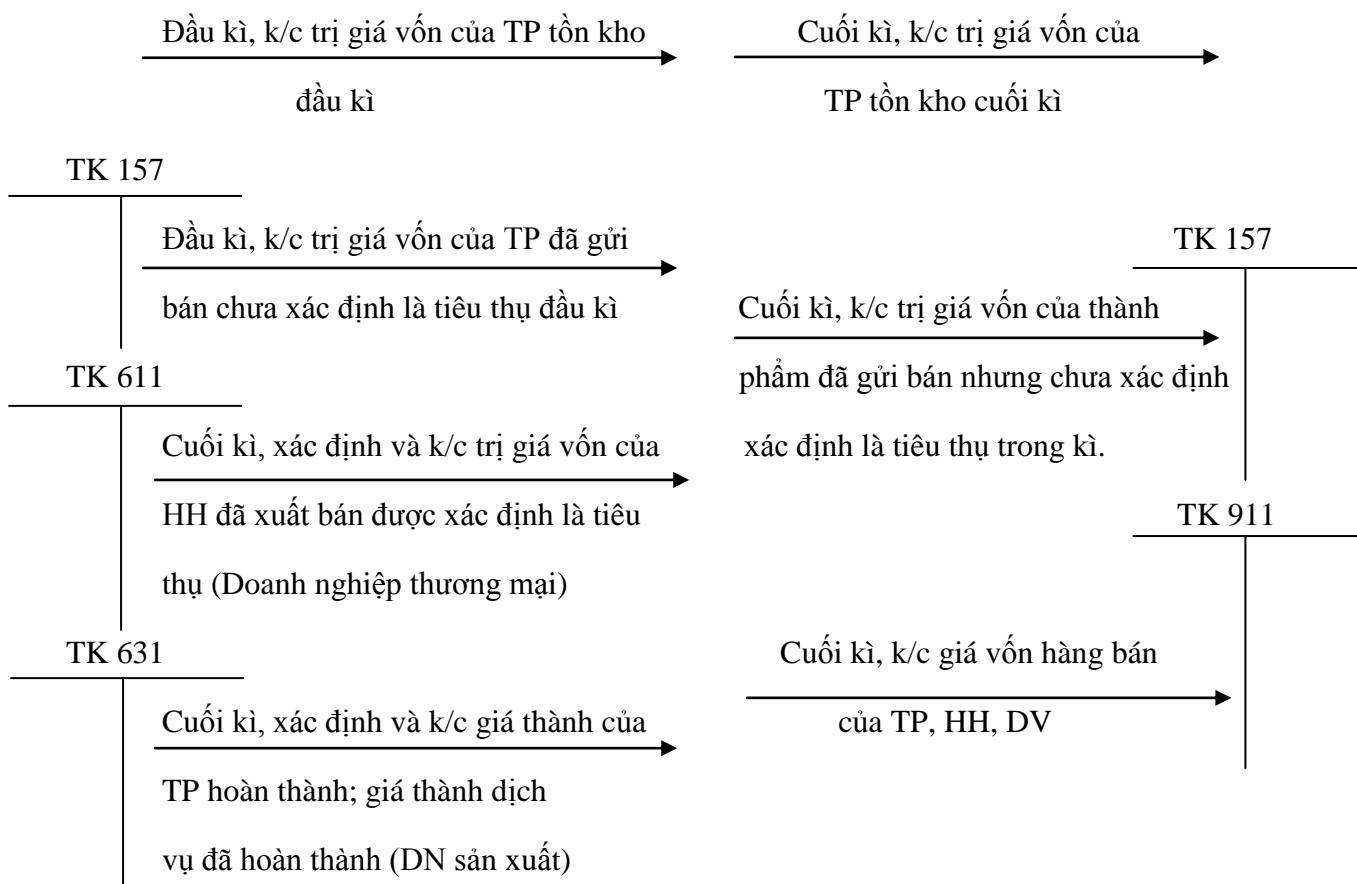
*** Tài khoản kế toán:**

- **Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”**: Là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.10: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KKĐK.

TK 155	TK 632	TK 155
<p>Sinh viên : Cao Thị Lan Chi – Lớp QT1105K</p>		
		34



1.5.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

*** Chứng từ kế toán:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ
- Hoá đơn giá trị gia tăng
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng;

Hàng ngày, dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán tiến hành ghi vào các sổ chi tiết, sổ cái tài khoản 642...phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ.

*** Tài khoản kế toán:**

Tài khoản 642- Chi phí quản lý kinh doanh, có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 6421- Chi phí bán hàng:* Phản ánh chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong quá trình sản phẩm, hàng hóa, và cung cấp dịch vụ trong kỳ của doanh nghiệp; và thực hiện kết chuyển chi phí bán hàng sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

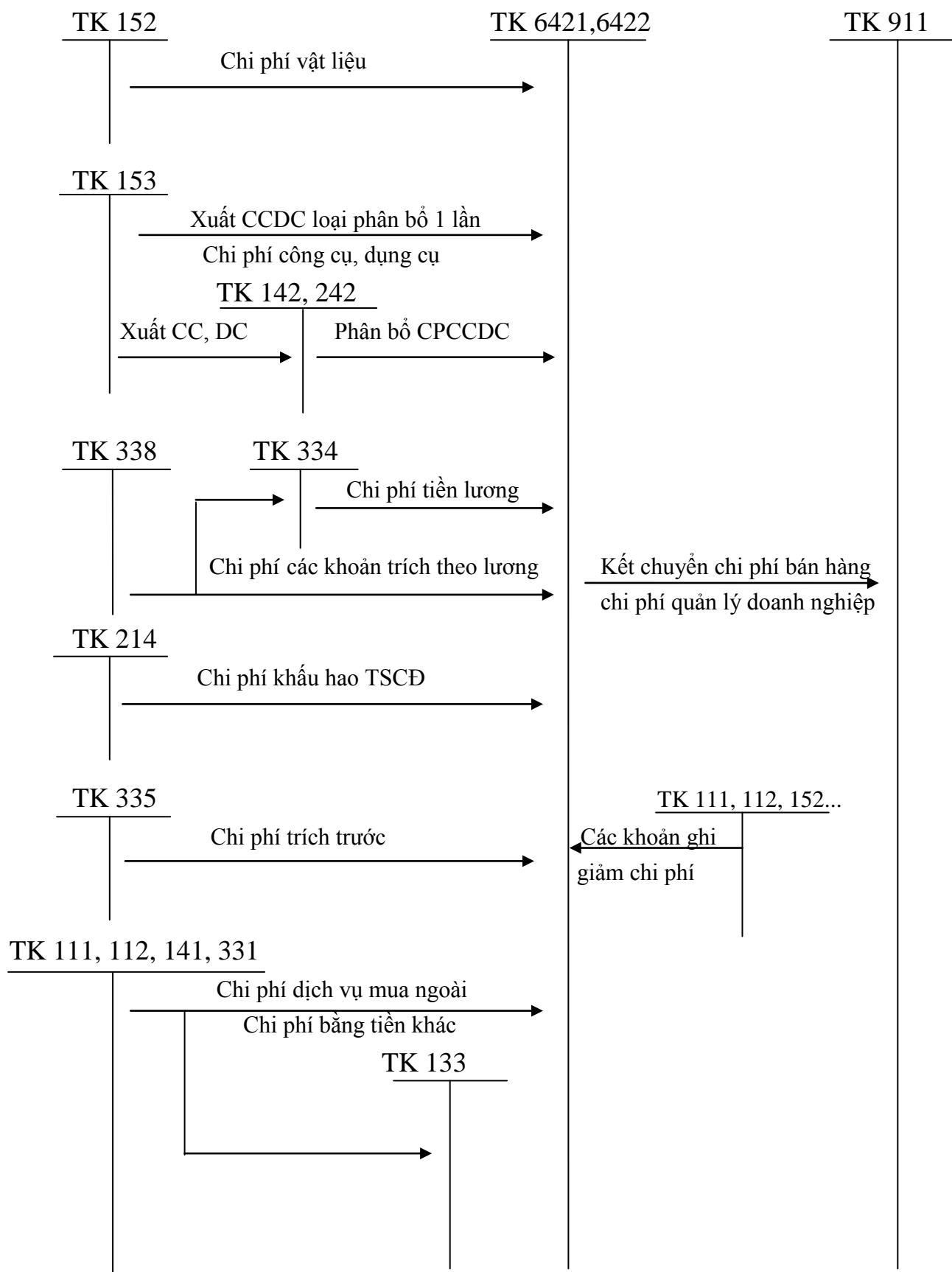
- *Tài khoản 6422- Chi phí quản lý doanh nghiệp:* Phản ánh chi phí quản lý chung của doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; và thực hiện kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 642.
- Nhật ký chung.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.11: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.



1.5.3. Kế toán chi phí tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,.. khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ,...

*** Tài khoản kế toán:**

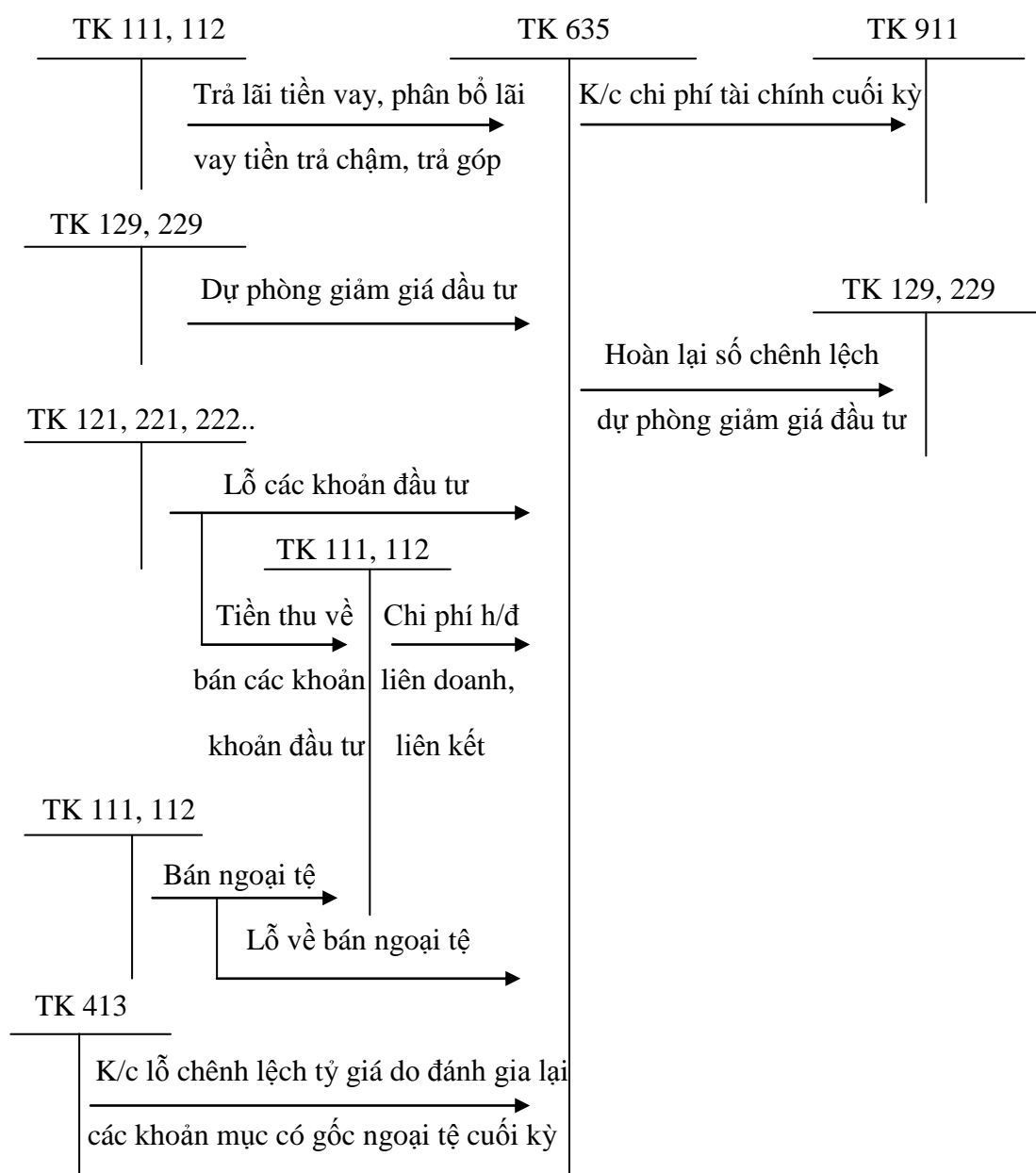
- *Tài khoản 635(Chi phí tài chính):* tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 635.
- Nhật ký chung.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí hoạt động tài chính.



1.5.4. Kế toán chi phí hoạt động khác.

Là những khoản chi phí của hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước. Chi phí khác phát sinh bao gồm: Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có); tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán; các khoản chi phí khác.

*** Tài khoản kế toán:**

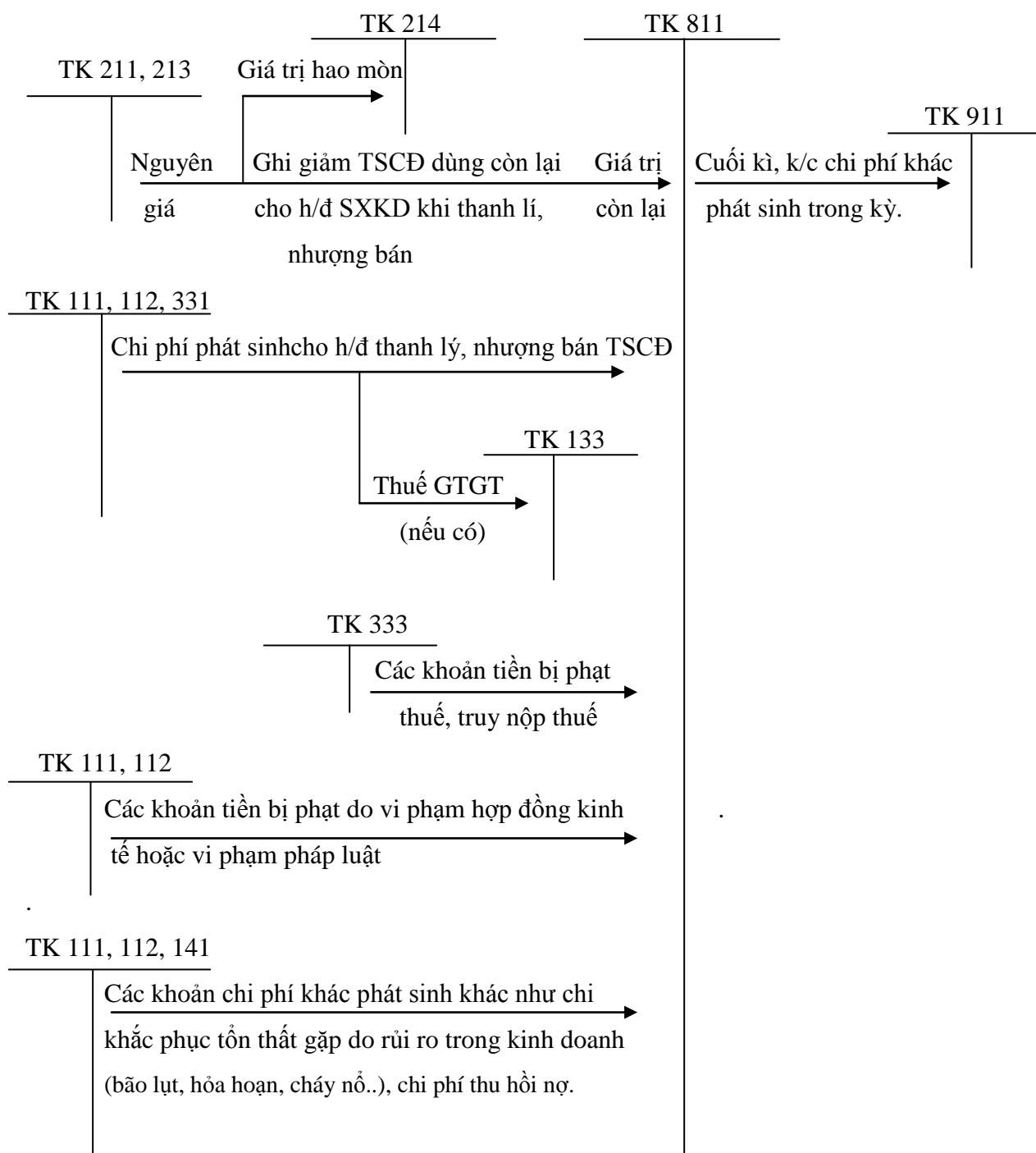
- TK 811 – Chi phí khác.

*** Sổ sách sử dụng:**

- Sổ cái TK 811
- Nhật ký chung

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.13: Hạch toán chi phí hoạt động khác.



1.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

* *Cách tính một số chỉ tiêu lợi nhuận như sau :*

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} - \text{Chi phí bán hàng}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

* *Chứng từ sử dụng:*

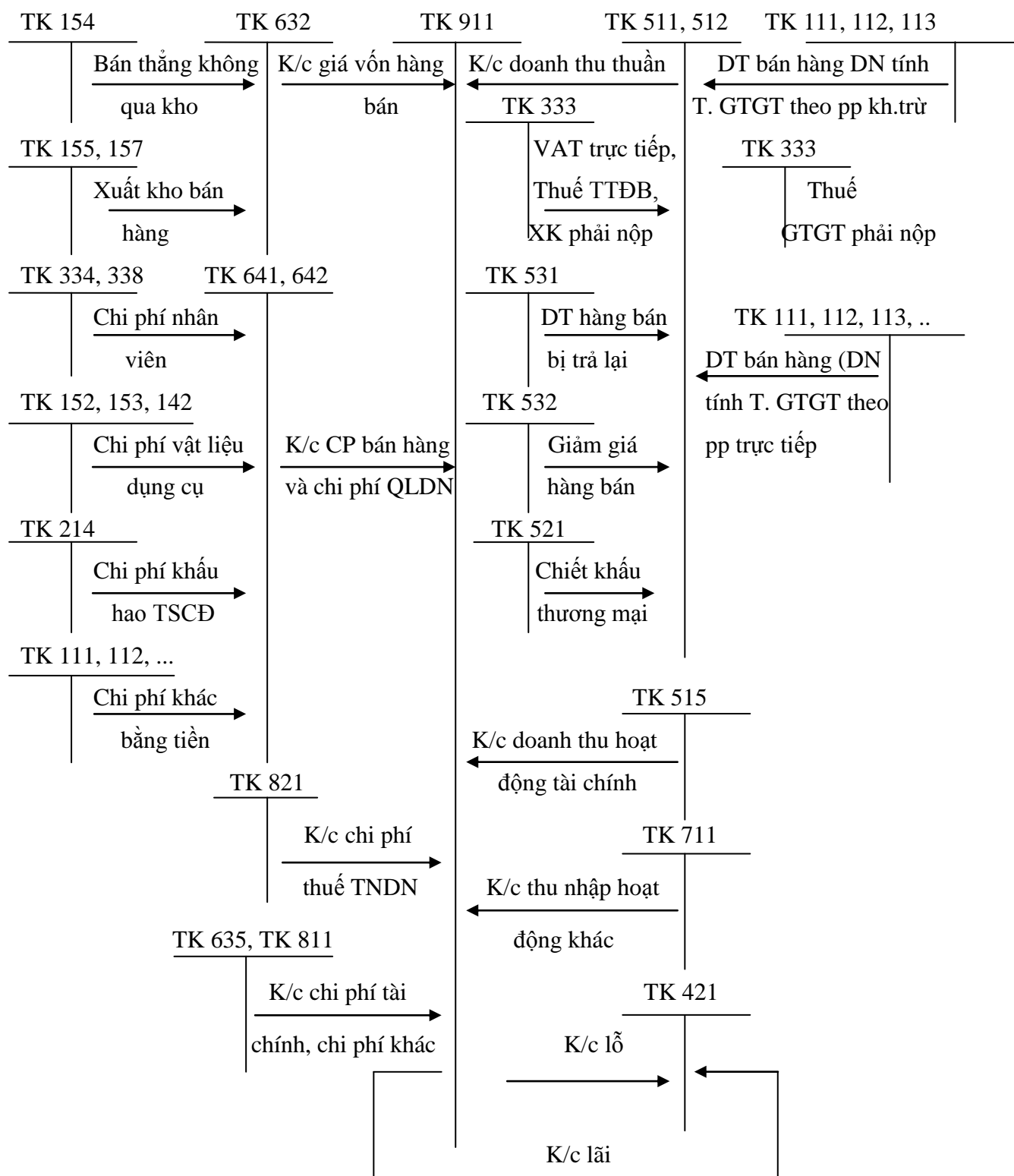
- Phiếu kế toán.

* *Tài khoản sử dụng:*

Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

* Quy trình hạch toán:

Sơ đồ 1.14: Hạch toán doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.



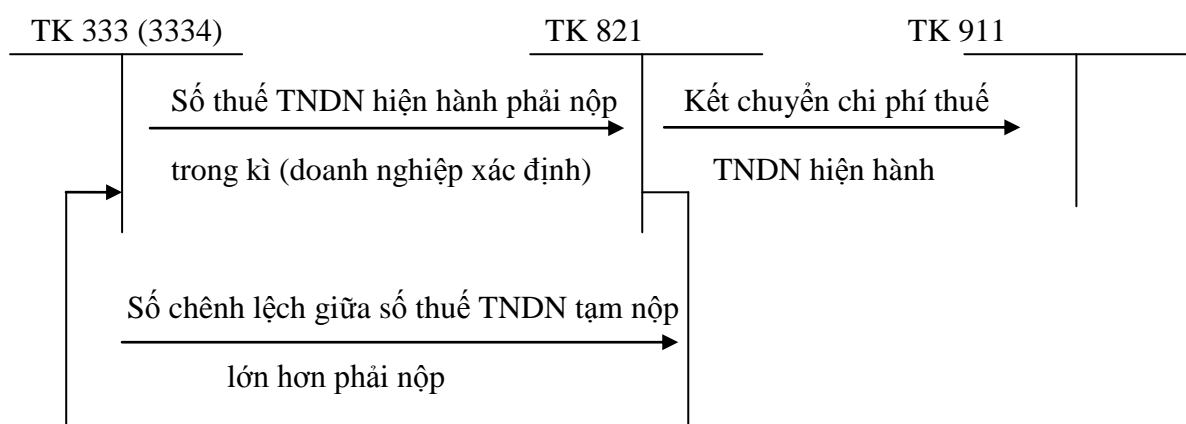
1.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.*** Tài khoản kế toán:**

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 1.15: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



CHƯƠNG II: CÔNG TÁC TỔ CHỨC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU QUANG TIẾN.

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.

* Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến là một doanh nghiệp ngoài quốc doanh được thành lập tại Việt Nam theo giấy phép kinh doanh số 0202003327 ngày 13/03/2006 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Tên giao dịch: Công ty trách nhiệm hữu hạn Quang Tiến

Trụ sở chính: Số 45 Trần Khánh Dư – Phường Máy Tơ – Quận Ngô Quyền – Thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.845 517

Fax: 0313.845 517

MST: 0200662297

Vốn điều lệ: 1.500.000.000 đồng

* Công ty TNHH Quang Tiến tiền thân là xưởng sản xuất đồ mộc với quy mô nhỏ tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh trong những năm đầu thập niên 90 với số vốn tự có không nhiều, cơ sở vật chất thiếu thốn số lượng lao động chỉ là 10 người. Đến đầu năm 2006 do tình hình thực tế cũng như nhu cầu thị trường trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, ban lãnh đạo đã họp lại, cùng chung vốn và xin ý kiến cấp trên ra quyết định thành lập công ty.

Công ty TNHH Quang Tiến thành lập với loại hình doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên. Bao gồm các sáng lập viên:

- Ông Trịnh Quang Tiến góp 1.200.000.000 đồng tại số 45 Trần Khánh Dư, phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; CMND số 030899890.

- Ông Đỗ Kế Hà góp 300.000.000 đồng tại xóm Ngô Hùng, xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; CMND số 030993241.

Công ty TNHH Quang Tiến sau khi thành lập đã mở rộng sang lĩnh vực nhận thầu xây dựng các cơ sở hạ tầng, công trình công nghiệp – dân dụng, giao thông thủy lợi, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, ngoại thất, nhưng chủ yếu vẫn là sản xuất đồ mộc. Sự thay đổi này đã mở ra cho doanh nghiệp một bước phát triển mới đầy triển vọng trong cơ chế thị trường. Từ đó công ty không ngừng sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, tăng năng lực sản xuất, đổi mới phương thức quản lý để phù hợp với xu thế phát triển chung, đưa công ty phát triển vững mạnh, đời sống cán bộ công nhân viên ngày càng nâng cao.

Trải qua hơn 4 năm thành lập, công ty TNHH Quang Tiến không ngừng cố gắng nâng cao về mọi mặt, thường xuyên xây dựng và kiên toàn tổ chức, nâng cao năng lực chỉ huy điều hành, quản lý, đổi mới trang thiết bị, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất kinh doanh, mở rộng địa bàn hoạt động.

*** Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đã đạt được:**

• Thuận lợi:

- Đổi mới, áp dụng những công nghệ tiên tiến, tiết kiệm chi phí sản xuất để thực hiện mục tiêu hạ giá thành sản phẩm.

- Công ty nhận và trúng những đơn hàng có lớn khẳng định được uy tín và tên tuổi trên thị trường, củng cố vị trí của mình trên thương trường.

- Công ty có đội ngũ cán bộ công nhân viên kinh nghiệm, luôn nắm bắt những đổi mới trong công việc, đồng thời toàn bộ tập thể lãnh đạo, cán bộ công nhân viên trong công ty luôn tìm cách đưa ra những phương pháp, đường lối phát triển mang tính chiến lược.

• Khó khăn:

Tuy nhiên, Công ty TNHH Quang Tiến cũng gặp không ít khó khăn :

- Khó khăn trong việc tìm thị trường tiêu thụ.

- Giá vật tư vào đang tăng lên đã làm giảm lợi nhuận của công ty.

- Mặt hàng có nhiều đơn vị sản xuất, sự cạnh tranh cao, ảnh hưởng đến khả năng tiêu thụ của sản phẩm.

- **Thành tích đạt được:**

Tính đến thời điểm này, công ty đã không ngừng nâng cao uy tín cũng như chất lượng sản phẩm của mình trên thị trường và được nhiều người biết đến. Công ty luôn hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách năm. Quá trình sản xuất có hiệu quả, có tích lũy và đảm bảo đời sống cho cán bộ công nhân viên trong công ty.

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của công ty tăng dần qua các năm, thể hiện công ty ngày càng phát triển lớn mạnh hơn. Đây là bảng tóm tắt tổng tài sản và nguồn vốn trong 3 năm vừa qua.

Đơn vị tính: Đồng

Tài sản	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1 – Tổng tài sản	1.286.229.982	1.654.049.752	2.021.869.520
2 – Tài sản dài hạn	1.058.639.558	1.080.292.767	1.101.945.976
3 – Tài sản ngắn hạn	227.590.424	573.756.985	919.923.544
4 – Tổng nguồn vốn	1.286.229.982	1.654.049.752	2.021.869.520
5 - Nợ phải trả	84.763.544	287.028.555	595.310.912
6 – Vốn chủ sở hữu	1.201.466.438	1.367.021.197	1.426.558.608

Bảng 2.1. Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008, 2009, 2010.

Trong những năm gần đây doanh thu và lợi nhuận của công ty đã được tăng lên, thu nhập của cán bộ công nhân viên được cải thiện hơn. Được biểu hiện cụ thể qua bảng tổng hợp tài chính và kết quả hoạt động trong 3 năm vừa qua:

Đơn vị tính: Đồng

STT	Năm	Doanh thu	Lợi nhuận
1	2008	1.125.945.304	10.953.108
2	2009	1.453.950.932	30.245.260
3	2010	1.781.956.560	59.537.411

Bảng 2.2. Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010.

2.1.2. Chức năng ngành nghề kinh doanh.

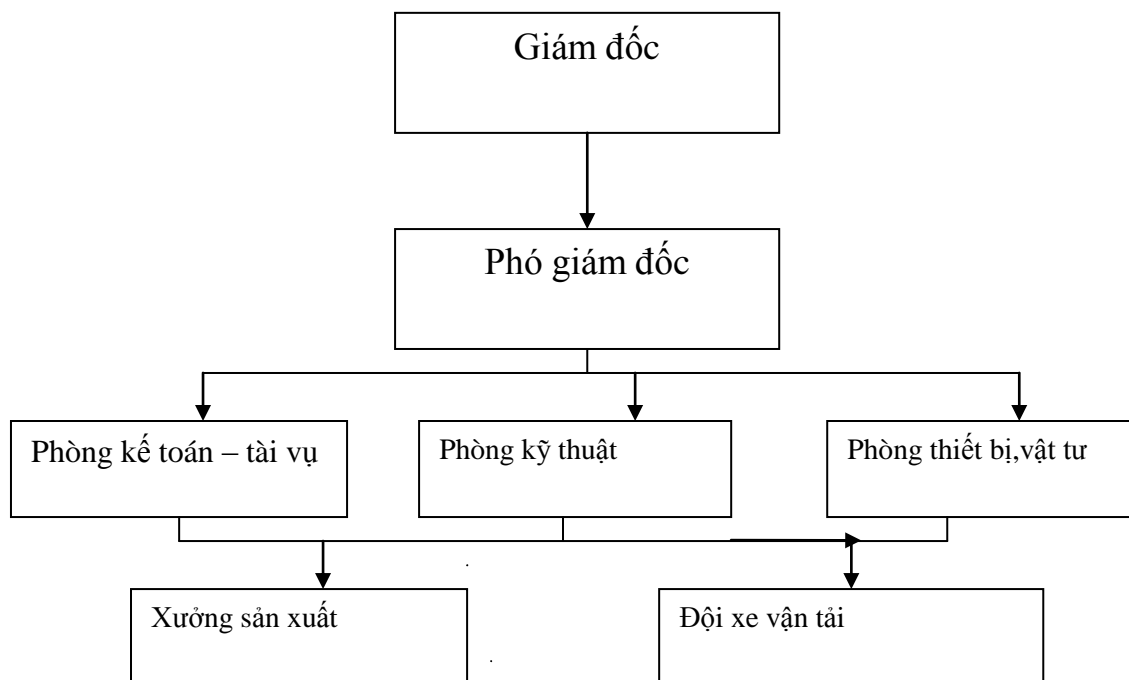
Công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành nghề:

- Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- Xây dựng các công trình giao thông thủy
- Kinh doanh siêu thị
- Trang trí nội thất, ngoại thất
- Kinh doanh sản xuất đồ gỗ, đồ nhựa, đồ gia dụng
- Kinh doanh thiết bị điện, điện tử
- Dịch vụ xuất nhập khẩu

2.1.3. Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.

Để phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý và đặc trưng của ngành xây dựng, công ty TNHH Quang Tiến tổ chức quản lý theo mô hình trực tiếp tham mưu. Bộ máy quản lý của công ty được tổ chức một cách chặt chẽ có sự phân công phân nhiệm rõ ràng giữa các phòng ban tránh được sự chồng chéo trong thi hành nhiệm vụ, mối quan hệ giữa các phòng ban vừa đảm bảo được tính độc lập vừa thực hiện sự liên kết chặt chẽ trong một tập thể chung.

Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành công ty.

**Giám đốc công ty:**

- Là người chịu trách nhiệm lãnh đạo, điều hành, quản lý chung mọi hoạt động của công ty.
- Xây dựng chính sách đường lối phát triển hoạt động của công ty, thường xuyên tiến hành cải tiến phương pháp làm việc sao cho hợp lý và nâng cao chất lượng công trình
- Quản lý tài chính của công ty đảm bảo sử dụng hiệu quả và phát triển nguồn vốn của công ty.

Phó giám đốc:

- Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty, trực tiếp chỉ đạo các bộ phận sản xuất kinh doanh.

Phòng thiết bị vật tư:

- Tìm kiếm lựa chọn nhà cung cấp đáp ứng được yêu cầu xây lắp của công ty, cung cấp vật tư hàng hóa, thiết bị một cách kịp thời, đúng chủng loại, đảm bảo chất lượng các loại.

- Kiểm tra vật tư, hàng hóa khi nhập kho, kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ khi giao nhận hàng và trước khi thanh toán với người cung cấp.

Phòng kế toán – tài vụ:

- Phòng chuyên môn tham mưu giúp giám đốc công ty thực hiện các công tác: quản lý vốn và tài sản, tổng hợp tình hình tài chính của công ty.
- Theo dõi tình hình công nợ và khả năng thực tế của đơn vị, căn cứ vào các chứng từ tổng hợp thu chi hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, tập hợp báo cáo đầy đủ và kịp thời, chính xác trung thực theo quy định của nhà nước và công ty.
- Phân tích, đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh, tính toán và trích lập đầy đủ các khoản thuế nộp ngân sách nhà nước, các quỹ để lại công ty và thanh toán đúng hạn các khoản vay, công nợ phải thu, phải trả.
- Đề xuất những biện pháp khắc phục, những khâu còn lãng phí trong sản xuất, phân đấu giảm chi phí sản xuất, tăng lợi nhuận, nâng cao hiệu quả kinh tế của công ty.

Phòng kĩ thuật:

- Tổ chức giám sát các tổ đội thi công trên cơ sở quản lý chất lượng, mỹ thuật, kỹ thuật, các công trình hạng mục công trình.
- Điều phối thi công đáp ứng đúng tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư, theo dõi tình hình kinh tế để có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp.
- Tính toán các định mức kinh tế kỹ thuật phục vụ cho thi công và phải chịu toàn bộ trách nhiệm về mặt kỹ thuật.

Đội xe vận tải:

- Làm nhiệm vụ vận chuyển hàng hoá theo yêu cầu của khách hàng.

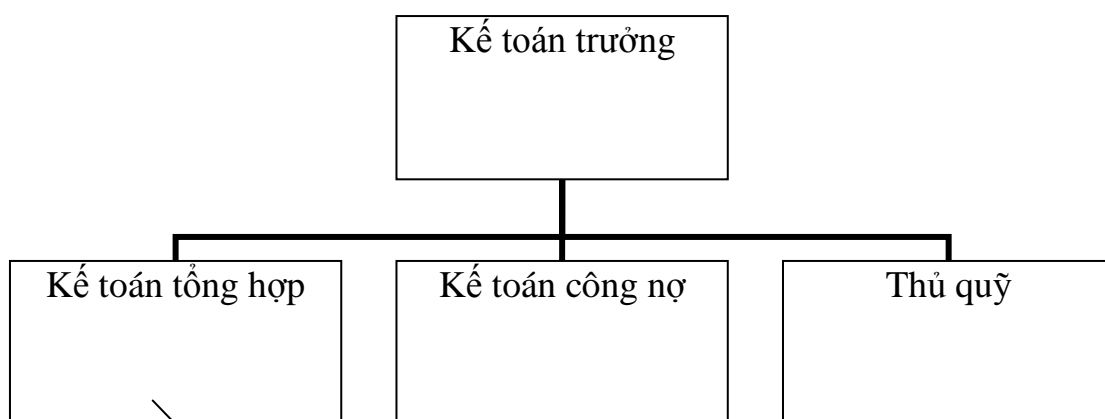
Xưởng sản xuất:

- Bao gồm xưởng gia công sắt thép, đồ mộc, đồ trang trí nội ngoại thất.
- Trực tiếp tổ chức sản xuất dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo công ty và các phòng ban chức năng.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.

Công ty TNHH Quang Tiến tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức nhật ký chung, toàn bộ công việc kế toán được thực hiện tập trung ở phòng kế toán. Tại phòng kế toán, nhân viên kế toán tiến hành kiểm tra chứng từ ban đầu, phân loại, xử lý, ghi sổ, hệ thống hóa số liệu, đưa lên kế toán tổng hợp đối chiếu, tổng hợp các số liệu để lập báo cáo tài chính và cuối cùng chuyển lên cho kế toán trưởng kiểm tra độ chính xác của các thông tin.

Sơ đồ 2.2 Mô hình tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH Quang Tiến.



Theo mô hình trên chức năng nhiệm vụ của từng người như sau:

- **Kế toán trưởng:** Có nhiệm vụ quản lý, tổ chức và điều hành toàn bộ công tác kế toán tài chính theo hoạt động chức năng chuyên môn, kiểm tra công tác hạch toán kế toán, thống kê do nhân viên kế toán thực hiện, tham mưu cho lãnh đạo công ty trong hoạt động sản xuất kinh doanh về công tác quản lý tài chính kinh tế như sử dụng vật tư, tiền vốn của công ty theo đúng chế độ, chính sách quy định tài chính mà nhà nước ban hành.

- **Kế toán tổng hợp:** Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay cho giám đốc

- **Kế toán công nợ:** Chuyên theo dõi các chứng từ liên quan đến các khoản phải thu, phải trả.

- **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm bảo quản tiền mặt, thực hiện thu- chi đối với các chứng từ thanh toán đã được cấp trên phê duyệt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê sổ quỹ tiền mặt thực tế đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt, ghi sổ kế toán chi tiết tiền mặt.

*** Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:**

Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định kế toán cho doanh nghiệp vừa và nhỏ kèm theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài Chính.

*** Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán**

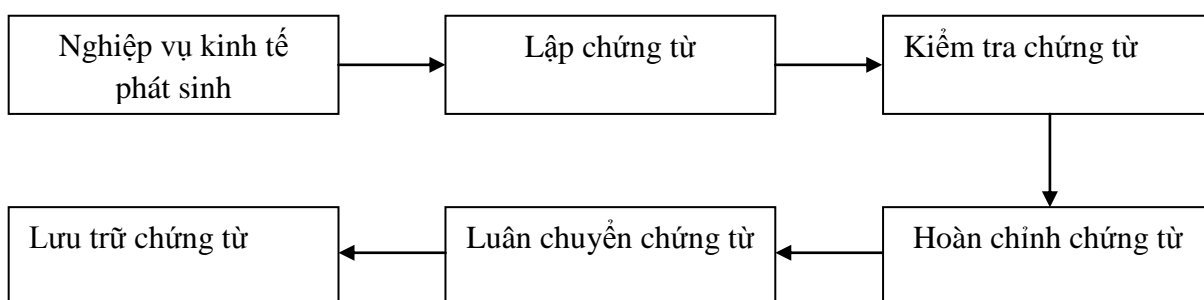
Công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

*** Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến:**

Hình thức kế toán được công ty áp dụng là: *Nhật ký chung*.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo các bước sau:



Sơ đồ 2.3. Chu trình kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.

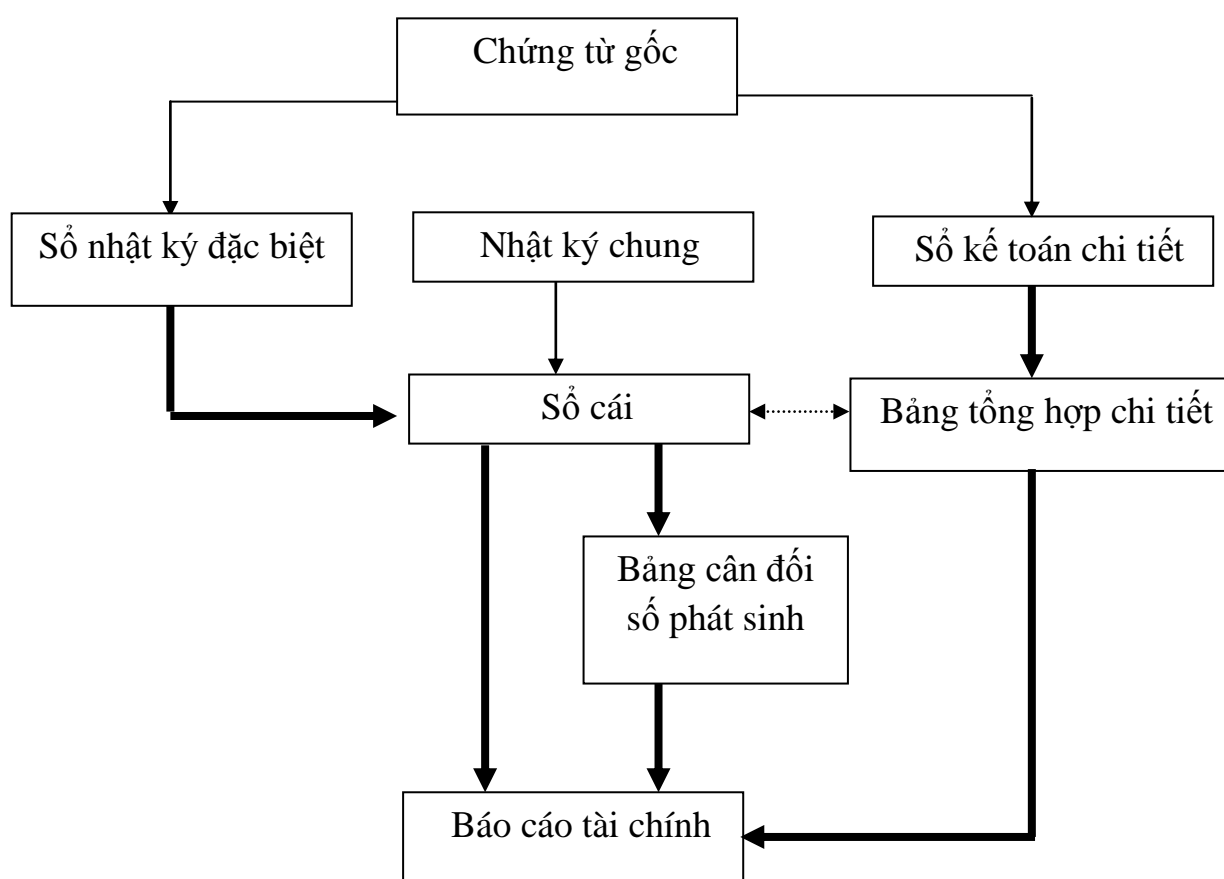
- *Kiểm tra chứng từ:* Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- *Hoàn chỉnh chứng từ:* Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

- *Luân chuyển chứng từ*: Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác
- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán **Nhật ký chung** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 2.4

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày (định kỳ)
- Ghi định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

*** Chính sách kế toán:**

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Chi cục thuế Quận Ngô Quyền.
- Công ty nhận hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp nhập trước xuất trước.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Kiểm kê tài sản, khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối sổ phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:
 - Bảng cân đối kế toán(Mẫu B01-DNN)
 - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh(Mẫu B02-DNN)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ(Mẫu B03-DNN)
 - Thuyết minh báo cáo tài chính. (Mẫu B09-DNN)

2.2.TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU QUANG TIẾN.(Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến).**2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến .**

- * Đặc điểm công tác kế toán doanh thu, và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.**

Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến là một công ty thương mại, đặc điểm về doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Về tiêu thụ hàng hóa: công ty thực hiện phương thức tiêu thụ hàng hóa bán lẻ các loại đồ gỗ, đồ nội thất...
- Đối với các sản phẩm, nguyên vật liệu công ty nhập của các doanh nghiệp trong nước
- Một số hoạt động kinh doanh khác của công ty là:
 - Vận tải hàng hoá.

*** Nội dung doanh thu tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.**

- Phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu:
 - + Bán buôn (đại lý): Bán cho các khách hàng mua theo hợp đồng kinh tế đã được ký kết trước với công ty.
 - + Phương thức bán lẻ: Công ty sẽ giao hàng tới các khách hàng mua với số lượng ít và thông thường đó là những khách hàng vắng lai. Công ty sẽ giao hàng cho các khách hàng quen thuộc theo đơn đặt hàng.
- Phương thức thanh toán:
 - + Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

- + Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.
- + Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.
- + Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

+ Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

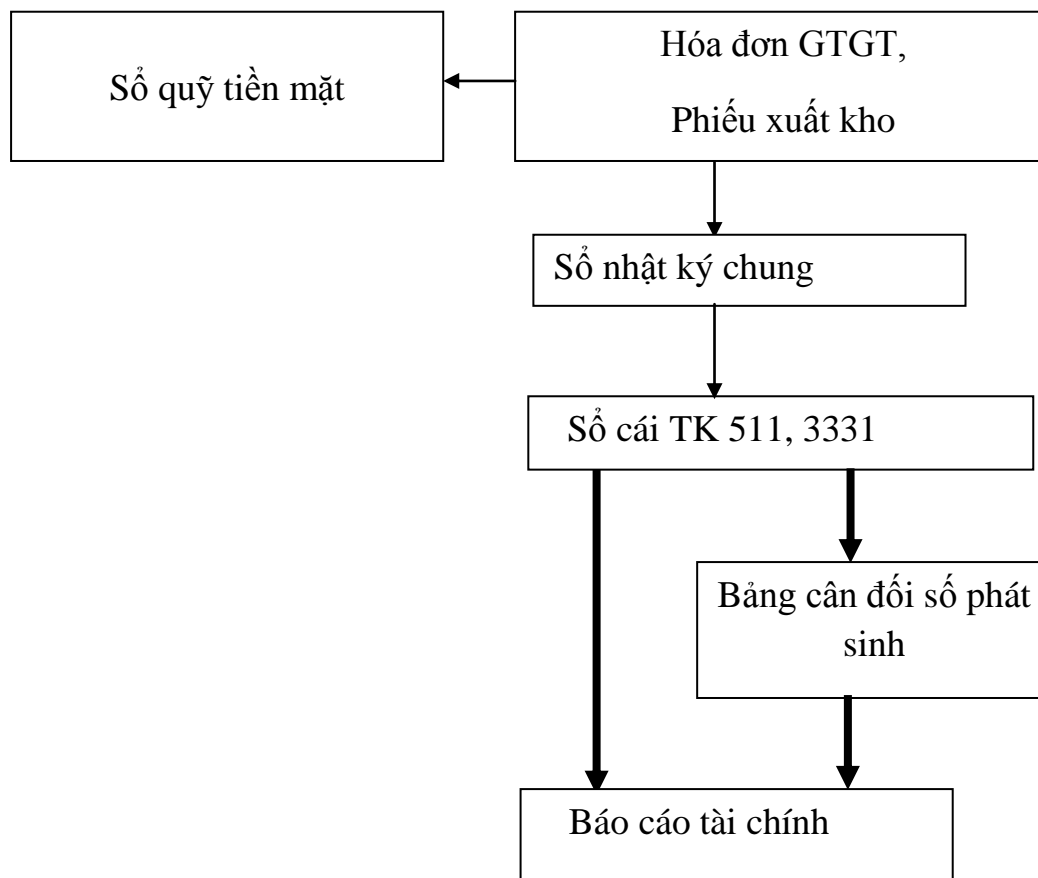
*** Tài khoản sử dụng:**

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hợp đồng mua bán hàng hóa.
- Hoá đơn GTGT.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Bảng kê hàng hóa bán ra.
- Các chứng từ khác.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Ghi chú:**

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ minh họa: Ngày 16 tháng 3 năm 2010, công ty bán cho công ty CP TM vận tải Hoàng Hà. Tổng giá bán chưa có thuế GTGT là 15.736.000 (Thuế suất VAT 10%). Công ty đã thanh toán số tiền trên bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết phiếu thu số PT04, Hóa đơn GTGT ký hiệu BM/2007B số 0035016 Kế toán vào sổ quỹ tiền mặt để phản ánh số tiền bán hàng thu được, Sổ chi tiết bán hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333.

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 16 tháng 03 năm 2010				Mẫu số: 01 GTKT-3LL BM/2007B 0035016													
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến Địa chỉ: Số 45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng Số tài khoản:..... Điện thoại:..... MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">7</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	6	6	2	2	9	7		
0	2																
0	0	6	6	2	2	9											
7																	
Họ tên người mua hàng:..... Tên đơn vị: Công ty CP thương mại vận tải Hoàng Hà Địa chỉ: Số 52 Lê Lai - HP Số tài khoản:..... Hình thức thanh toán: TM. MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">3</td></tr></table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr></table>						0	2	0	0	5	9	9	6	3	0		
0	2																
0	0	5	9	9	6	3											
0																	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1*2												
1	Giá úp bát đĩa	Cái	01	652.000	652.000												
2	Trượt chai lọ	Cái	01	754.000	754.000												
3	Giá để nồi	Cái	01	720.000	720.000												
4	Tủ bếp	Mét	2.75	3.040.000	8.360.000												
5	Bàn gỗ	Cái	01	5.250.000	5.250.000												
Cộng tiền hàng					15.736.000												
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					1.573.600												
Tổng cộng tiền thanh toán					17.309.600												
Số viết bằng chữ: Mười tám triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn sáu trăm đồng chẵn																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																	

Biểu số 2.2

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng

PHIẾU THU

Mẫu số 01 – TT

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Quyển số

Ngày 16 tháng 03 năm 2010

Số: PT 004

NỢ TK 111: 17.309.600

CÓ TK 511: 15.736.000

CÓ TK 3331: 1.573.600

Họ, tên người nộp tiền:

Nguyễn Hà

Địa chỉ:

Công ty CP thương mại vận tải Hoàng Hà

Lý do thu:

Thu tiền bán hàng HD số 0035016

Số tiền:

17.309.600

Viết bằng chữ:

Mười bảy triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng chẵn

Kèm theo: 01

Chứng từ kế toán HD 0035016

Ngày 16 tháng 03 năm 2010

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Trịnh Quang Tiến

Bùi Tuyết Hoa

Nguyễn Hà

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Mười bảy triệu ba trăm linh chín nghìn sáu trăm đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

.....

+ Số tiền quy đổi:

.....

Biểu số 2.3: Trích sổ quỹ tiền mặt năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S05a-DN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại TK: Tiền mặt tại quỹ

Mã hiệu: 111

Đơn vị tính: ĐồngVN

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		THU	CHI	TÒN
			Dư đầu năm			<u>18.325.450</u>
.....
			<u>Tháng 3 /2010</u>			
....
10/03/2010		PC 02	Thanh toán tiền điện thoại		474.498	4.890.751
11/03/2010	PT 003		Bán hàng cho trường kỹ thuật y tế Hải Dương	19.245.800		24.136.551
16/03/2010	PT 004		Bán hàng cho công ty CP thương mại vận tải Hoàng Hà	17.309.600		41.446.151
18/03/2010		PC 03	Trả tiền mua VPP		1.235.000	40.211.151
.....
			Cộng lũy kế từ đầu năm	1.172.365.557	1.182.906.249	
			Số dư cuối năm			<u>7.784.758</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.4: Trích sổ chi tiết bán hàng năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 511

Tên sản phẩm: Bàn gỗ

Mẫu số S17-DN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
			<u>Tháng 3/2010</u>					
							
16/03/2010	0035016	16/03/2010	Bán hàng cho công ty CP TM vận tải Hoàng Hà	111	1	5.250.000		5.250.000
22/03/2010	0035018	22/03/2010	Bán hàng cho công ty TNHH TM kỹ thuật Phương Đông	131	10	5.180.000		51.800.000
...
			Cộng lũy kể từ đầu năm				496.992.760	496.992.760

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.5. Trích sổ cái TK 511 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
			<u>Tháng 03/2010</u>					
16/03/2010	0035016	16/03/2010	Bán hàng cho CT CP TM vận tải Hoàng Hà			111		15.736.000
31/03/2010		31/03/2010	Kết chuyển doanh thu tháng 03/2010			911	158.496.380	
.....
			Cộng số phát sinh				158.496.380	158.496.380
			Cộng lũy kế từ đầu năm				1.781.956.560	1.781.956.560
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6. Trích sổ cái TK 333 năm 2010

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP*Trường ĐHDL Hải Phòng*

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
 45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thuế và các khoản nộp Nhà nước

Số hiệu: 333

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
			<u>Tháng 3 / 2010</u>					
.....
16/03/2010	0035016	16/03/2010	Bán hàng cho CT CP TM vận tải Hoàng Hà -Thuế GTGT đầu ra			111		1.573.600
.....
			Cộng số phát sinh				15.849.638	15.849.638
			Cộng lũy kế từ đầu năm				178.195.656	178.195.656
			Số dư đầu năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán doanh thu tài chính

Thu nhập hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng

Tài khoản sử dụng :

+ TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

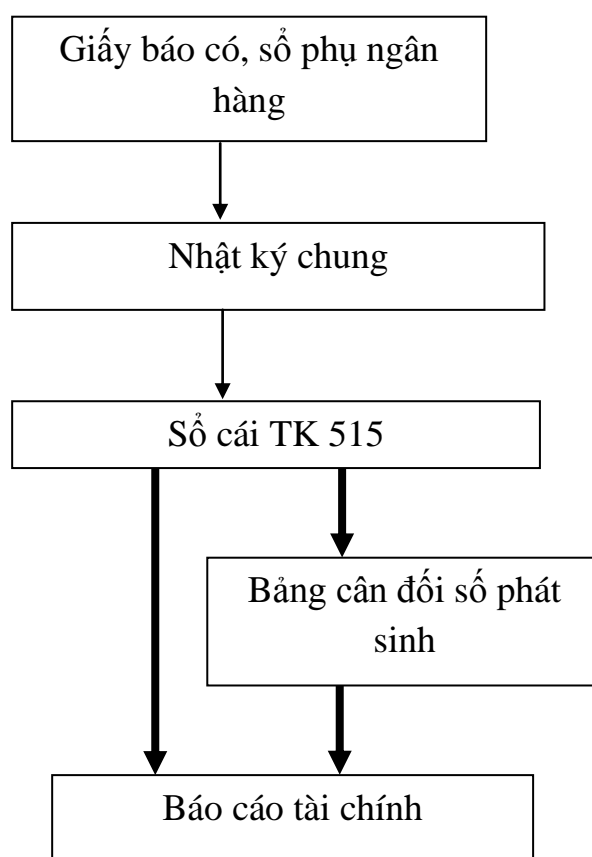
Chứng từ sử dụng :

+ Giấy báo có

+ Giấy báo lãi

+ Bản sao kê của ngân hàng

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ: Ngày 25/03, ngân hàng ACB trả lãi tiền gửi, số tiền là 6.284 đ, kế toán căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kèm theo sổ phụ để ghi nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515

Biểu số 2.7. Trích sổ cái TK 515 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: **Doanh thu hoạt động tài
chính**

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu năm					
			Số phát sinh					
...
			Tháng 3/2010					
.....
25/03/2010	GBC07-ACB	25/03/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB			112		6.284
31/03/2010	GBC04-NQ	30/03/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng Ngô Quyền			112		2.986
31/03/2010		31/03/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC tháng 03			911	11.380	
...
			Cộng số phát sinh				11.380	11.380
			Cộng lũy kế từ đầu năm				134.282	134.282
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán chi phí tại công ty TNHH thương mại dịch vụ xuất nhập khẩu Quang Tiến.

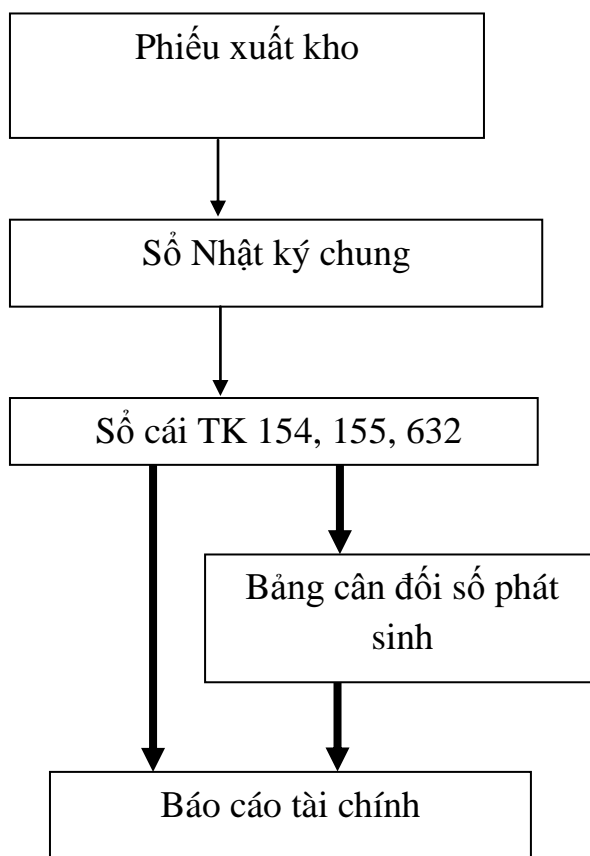
2.2.3.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Căn cứ vào sổ chi tiết TK 154, TK 156 của tháng đó, kế toán xác định giá vốn, chính bằng toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh của sản phẩm đó. Kế toán sử dụng TK 154, TK 156 để tập hợp chi phí sản xuất, rồi sau đó kết chuyển thẳng sang TK 632 để phân bổ chi phí tiêu thụ trong kỳ.

*** Tài khoản sử dụng:**

- + TK 632: Giá vốn hàng bán
- + TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- + TK 156: Hàng hóa

Sơ đồ 2.7. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ minh họa: Lấy tiếp ví dụ 1

Biểu số 2.8.

Đơn vị: Công ty TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
Địa chỉ: 45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 03 năm 2010

Mẫu số 02-VT
QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của
Bộ trưởng BTC
Nợ: TK 632 Số: 04
Có: TK 155

- Họ tên người nhận hàng: Nguyễn Hà. Địa chỉ: vận chuyển
- Lý do xuất kho: xuất bán hàng hóa
- Xuất tại kho(ngăn lô): xuất thẳng . Địa điểm: kho

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Giá úp bát đĩa	UBĐ	Cái		01	260.000	260.000
2	Trượt chai lọ	TCL	Cái		01	550.000	550.000
3	Giá để nồi	GĐN	Cái		01	295.000	295.000
4	Tủ bếp	TB	Mét		2.75	2.709.780	7.451.895
5	Bàn gỗ	BG	cái		01	4.527.789	4.527.789
	Cộng						13.084.684

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Mười ba triệu không trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm tám mươi bốn đồng chẵn

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 16 tháng 03 năm 2010

Người lập phiếu
(ký, họ tên)

Người nhận hàng
(ký, họ tên)

Thủ kho
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên)

Biểu số 2.9. Trích sổ cái TK 632 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
			Tháng 3/ 2010					
.....
16/03/2010	PX 04	16/03/2010	Bán hàng cho CT CP TM vận tải Hoàng Hà -Trị giá vốn			156	13.084.684	
.....
31/03/2010		31/03/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 03			911		143.590.305
.....
			Cộng số phát sinh				143.590.305	143.590.305
			Cộng lũy kế từ đầu năm				1.614.369.271	1.614.369.271
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 156 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

SỔ CÁI

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

Năm 2010
Tên tài khoản: Hàng hóa
Số hiệu: 156

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu năm				<u>64.728.860</u>	
			Số phát sinh					
.....
			<u>Tháng 3/ 2010</u>					
.....
16/03/2010		16/03/2010	Bán hàng cho CT CP TM vận tải Hoàng Hà - Trị giá vốn			632		13.084.684
.....
			Cộng số phát sinh				161.960.198	143.590.305
			Cộng lũy kế từ đầu năm				2.053.098.546	1.614.369.271
			Số dư cuối năm				<u>438.729.275</u>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí bán hàng...

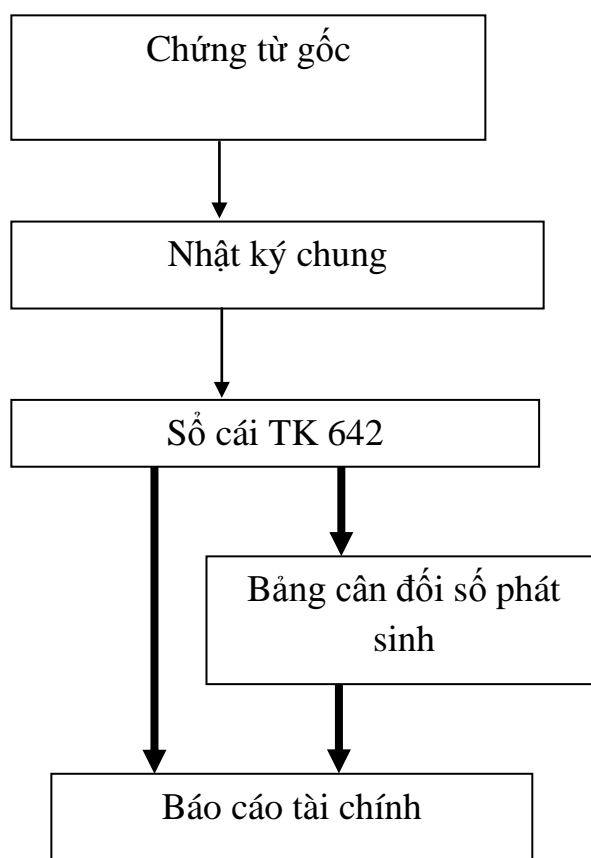
*** Chứng từ sổ sách sử dụng :**

- + Phiếu chi
- + Hoá đơn GTGT
- + Lệnh chi
- + Sổ cái TK 642,112....

*** Tài khoản sử dụng :**

- + TK 642 : Chi phí quản lý kinh doanh

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH TMDV XNK Qunag Tiến:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ: Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cố định của Tổng công ty viễn thông Quân Đội tháng 03 cho bộ phận quản lý theo hóa đơn số 6064530, số tiền là 624.735đ(Chưa bao gồm 10% thuế GTGT)

Biểu số 2.11

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU CHI

Quyển số

Mẫu số 02-TT
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14
tháng 9 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 22 tháng 03 năm 2010

Số: PC09

NỢ: 642-1331

CÓ: 111

Họ, tên người nộp tiền: Nguyễn Hồng Lê
Địa chỉ: Bộ phận quản lý
Lý do thu: Trả cước điện thoại cố định tháng 03
Số tiền: 687.208
Viết bằng chữ: Sáu trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm linh tám đồng chẵn
Kèm theo: Chứng từ kế toán

Ngày 22 tháng 03 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Người lập (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	----------------------------------	--	--------------------------------

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm linh tám đồng chẵn
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.12. Trích sổ cái TK 642 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số 03a-DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
22/03/2010	PC09	22/03/2010	Trả cước điện thoại di động T3			111	624.735	
.....
31/03/2010		31/03/2010	Kết chuyển CP QLDN tháng 03			911		4.414.064
.....
			Cộng số phát sinh				4.414.064	4.414.064
			Cộng lũy kế từ đầu năm				52.968.773	52.968.773
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính là khoản gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay, đi vay, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ do chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...

*** Tài khoản sử dụng:**

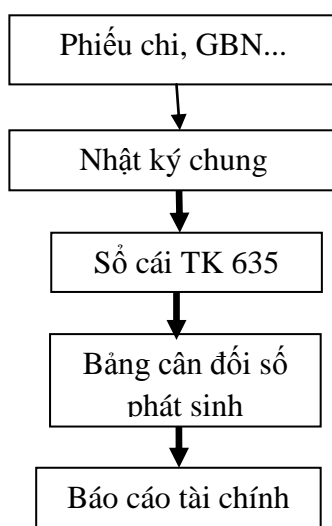
- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan.

*** Quy trình hạch toán:**

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí hoạt động tài chính



Biểu số 2.13

**CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG
TIẾN**
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU CHI

Quyển số 06

Mẫu số 02-TT
QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14
tháng 09 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 30 tháng 03 năm 2010

Số: PC 017

NỢ 635: 675.530

CÓ 111: 675.530

Họ, tên người nộp tiền: *Bùi Tuyết Hoa*
Địa chỉ:
Lý do nộp: *Trả lãi tiền vay huy động*
Số tiền: *675.530 đ*
Viết bằng chữ: *Sáu trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn./.*
Kèm theo: **Chứng từ kế toán**

Ngày 30 tháng 03 năm 2010

<i>Thủ trưởng đơn vị</i>	<i>Kế toán trưởng</i>	<i>Người lập</i>	<i>Người nhận tiền</i>	<i>Thủ quỹ</i>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Sáu trăm bảy mươi năm nghìn năm trăm ba mươi đồng chẵn./.*
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.14: Trích sổ cái TK 635 năm 2010.

**CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG
TIẾN**
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu năm					
			Số phát sinh					
.....
30/03/2010	PC017	30/03/2010	Trả lãi tiền vay huy động			112	675.530	
30/03/2010		30/03/2010	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính			911		3.947.465
...
			Cộng số phát sinh				3.947.465	3.947.465
			Cộng lũy kế từ đầu năm				35.369.583	35.369.583
			Số dư cuối năm					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

*** Phương pháp hạch toán như sau:**

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 642, TK 811. Tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau: Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421. Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra thuế phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi phần thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ và chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

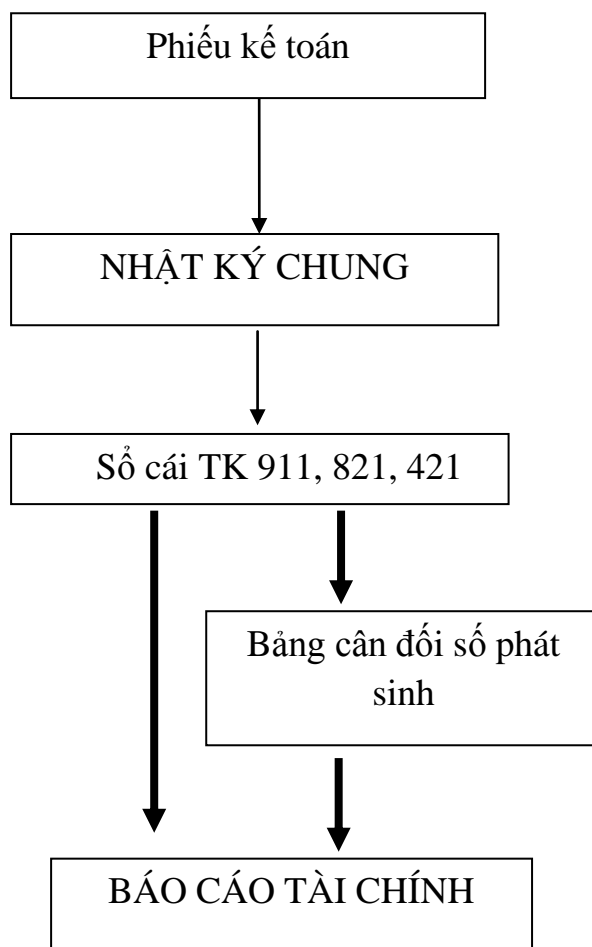
*** Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu kế toán

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Sơ đồ 2.10. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ: Cuối tháng 03/2010, Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

Kết chuyển doanh thu gồm: doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác.

Nợ TK 511 : 158.496.380

Nợ TK 515 : 11.380

Có TK 911: 158.507.760

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

Kết chuyển chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác.

Nợ TK 911 : 151.951.834

Có TK 632: 143.590.305

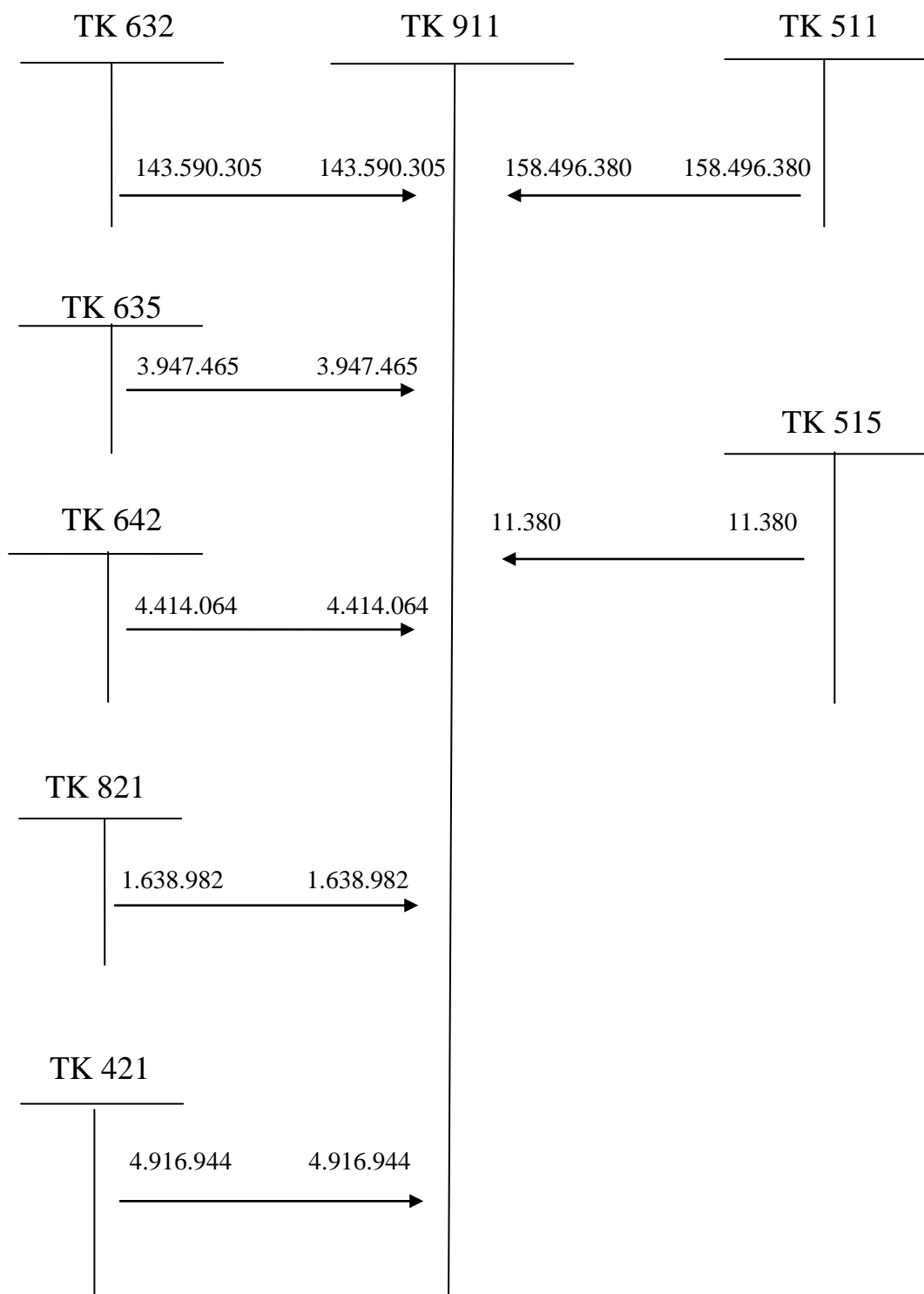
Có TK 635: 3.947.465

Có TK 642 :4.414.064

Kết quả tiêu thụ HH, dịch vụ = Doanh thu – Chi phí

$$= 158.507.760 - 151.951.834 = 6.555.926$$

Sơ đồ 2.11: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Biểu số 2.15. Trích phiếu kế toán năm 2010**Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiên****45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng****PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT01

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
...
Kết chuyển doanh thu thuần tháng 03	511	911	158.496.380
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 03	515	911	11.380
...
Cộng			158.507.760
Cộng lũy kế từ đầu năm			1.782.090.842

Người lập
(chữ ký, họ tên)Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)Giám đốc
(chữ ký, họ tên)

Biểu số 2.16. Trích phiếu kế toán năm 2010

Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT02

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
...
Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 03	911	632	143.590.305
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh tháng 03	911	642	4.414.064
Kết chuyển chi phí tài chính tháng 03	911	635	3.947.465
Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tháng 03	911	821	1.638.982
...
Cộng			153.590.816
Cộng lũy kế từ đầu năm			1.722.553.431

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Giám đốc
(chữ ký, họ tên)

Biểu số 2.17. Trích phiếu kế toán năm 2010

Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến
45 Trần Khánh Dư - Ngô Quyền - Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT03

Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
...
Kết chuyển lãi tháng 03	911	421	4.916.944
...
Cộng			4.916.944
Cộng lũy kế từ đầu năm			59.537.411

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Giám đốc
(chữ ký, họ tên)

Biểu số 2.18. Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

Mẫu số 03a-DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
....
16/03/2010	PX04	16/03/2010	Bán hàng cho CT CP TM vận tải Hoàng Hà-giá vốn	X		632	156	13.084.684
16/03/2010	0035016	16/03/2010	Bán hàng cho CT CP TM vận tải Hoàng Hà	X		111	511	15.736.000
16/03/2010	0035016	16/03/2010	Bán hàng cho CT CP TM vận tải Hoàng Hà-Thuế GTGT đầu ra	X		111	3331	1.573.600
.....
22/03/2010	PC09	22/03/2010	Trả cước điện thoại cố định T3	X		642	111	624.735
22/03/2010	PC09	22/03/2010	Thuế GTGT được khấu trừ-điện thoại	X		133	111	62.473
.....
25/03/2010	GBC03-ACB	25/03/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng ACB	X		112	515	6.284
....
30/03/2010	PC14	30/03/2010	Trả lãi tiền vay huy động	X		635	112	675.530
30/03/2010	GBC01-NQ	30/03/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng NQ	X		112	515	2.986
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 03	X		911	632	143.590.305

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số tiền PS
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	
31/03/2010	PKT01	31/03/2010	Kết chuyển doanh thu tháng 03	X		511	911	158.496.380
31/03/2010	PKT01	31/03/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC tháng 03	X		515	911	11.380
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển Chi phí hoạt động tài chính tháng 03	X		911	635	3.947.465
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 03	X		911	642	4.414.064
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển chi phí khác tháng 03	X		911	821	1.638.982
31/03/2010	PKT03	31/03/2010	Kết chuyển lãi tháng 03	X		911	421	4.916.944
...
			Cộng lũy kế					14.607.142.064

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kê toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.19. Trích sổ cái TK911 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S03b-DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu năm			
...
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 03	632	143.590.305	
31/03/2010	PKT01	31/03/2010	Kết chuyển doanh thu tháng 03	511		158.496.380
31/03/2010	PKT01	31/03/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC tháng 03	515		11.380
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển chi phí tài chính tháng 03	635	3.947.465	
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển CP QLDN tháng 03	642	4.414.064	
31/03/2010	PKT02	31/03/2010	Kết chuyển CP thế thu nhập DN tháng 03	811	1.638.982	
31/03/2010	PKT03	31/03/2010	Kết chuyển lãi tháng 03	421	4.916.944	
....
			Cộng số phát sinh		158.496.380	158.496.380
			Cộng lũy kể từ đầu năm		1.814.451.881	1.814.451.881

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.20. Trích sổ cái TK421 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN
 45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
 BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
 BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu năm			<u>126.768.309</u>
			Số phát sinh			
.....
			<u>Tháng 3/2010</u>			
31/03/2010	PKT03	31/03/2010	Kết chuyển lãi tháng 03	911		4.916.944
.....
			Cộng lũy kế từ đầu năm		19.845.804	79.383.215
			Số dư cuối năm			<u>186.305.720</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.21. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Mẫu số: B-02/DNN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Người nộp thuế: Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiên

Mã số thuế : 0200662297

Địa chỉ trụ sở: Số 45 Trần Khánh Dư

Quận Huyện: Ngô Quyền

Tỉnh/ Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại: 0313.845517

Fax: 0313.845517

Email:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ Tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.781.956.560	1.453.950.932
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10	VI.27	1.781.956.560	1.453.950.932
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.28	1.614.369.271	1.357.476.215
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		167.587.289	96.474.717
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	134.282	95.758
7	Chi phí tài chính	22	VI.30	35.369.583	19.064.100
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		35.369.583	19.064.100
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		52.968.773	37.179.361
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 23 - 24)	30		79.383.215	40.327.014
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		0	0
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		79.383.215	40.327.014
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.31	19.845.804	10.081.754
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 – 51 – 52)	60		59.537.4119	30.245.260

Lập ngày 31 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN

3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.

Trong nền kinh tế thị trường đang diễn ra gay gắt giữa các thành phần kinh tế, các lĩnh vực kinh tế khác nhau, nhiều công ty không đứng vững dẫn đến phá sản, giải thể. Do nhận thức kịp thời chuyển động của nền kinh tế và phân tích đúng đắn nhu cầu của thị trường, công ty đã có những phương hướng, những giải pháp kinh tế hiệu quả khắc phục những khó khăn và phát huy những thế mạnh mà công ty đang có để bắt kịp được với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Công ty luôn có chính sách khen thưởng thỏa đáng và kịp thời cho các cán bộ công nhân viên mang lại hiệu quả cho doanh nghiệp. Công ty đã đẩy mạnh tìm kiếm thị trường tiêu thụ, mở rộng hoạt động kinh doanh, cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ công nhân viên. Doanh thu hàng năm của công ty đã tăng nhưng không nhiều. Điều đó cũng thể hiện sự cố gắng của công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.

Qua một thời gian thực tập và tìm hiểu về công ty, được tiếp nhận với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, cùng với sự giúp đỡ của công ty và nhân viên phòng kế toán đã tạo điều kiện cho em thực tập và làm quen với thực tế, củng cố thêm kiến thức đã học trong nhà trường. Qua đây em cũng xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và kiến nghị về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phần hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến là một doanh nghiệp trẻ, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tình hình thực tế về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty em nhận thấy: Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng đã đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty.

Về bộ máy quản lý.

Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến đã tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Đồng thời xuất phát từ đặc điểm kinh doanh và tổ chức hệ thống kinh doanh của mình, công ty đã lựa chọn bộ máy kế toán tập trung. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát tại chỗ của kế toán đối với công ty, hạn chế những khó khăn trong việc phân công lao động, chuyên môn hoá công việc, tạo điều kiện nâng cao trình độ của đội ngũ kế toán viên.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán.

Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Nhật ký chung” , các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát công ty đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

Về khâu tổ chức hạch toán bán đầu: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác doanh thu, chi phí và các định kết quả kinh doanh nói riêng thì công ty còn một số mặt hạn chế nhất định mà công ty cần phải khắc phục.

Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn chậm, không đảm đúng thời hạn quy định. Hơn nữa việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng nộp chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

Về hệ thống sổ kế toán:

Mẫu sổ mà kế toán hiện nay đang sử dụng không chính xác, kế toán chỉ sử dụng một cột số tiền phát sinh và phản ánh đồng thời số hiệu tài khoản nợ và có trên cùng một dòng. Như vậy kế toán sẽ khó phát hiện ra lỗi sai trong quá trình định khoản khi tổng số tiền phát sinh bên nợ và bên có không bằng nhau. Sổ nhật ký chung phản ánh tính chính xác về mặt số liệu khi kế toán định khoản và là cơ sở để ghi sổ cái nên kế toán cần phải thay đổi lại mẫu sổ theo đúng quy định.

Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua(người bán). Mục đích của 2 loại sổ này giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này cũng giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình nợ phải thu hoặc nợ phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

Do quy mô sản xuất kinh doanh của công ty còn nhỏ, số lượng hàng bán chưa lớn nên công ty còn rất hạn chế trong việc mở sổ chi tiết theo các tài khoản gây trở ngại cho việc theo dõi các đối tượng hàng hoá tại công ty. Cụ thể đó là: sổ chi tiết giá vốn hàng bán; sổ chi tiết vật liệu, sản phẩm, hàng hoá; sổ chi tiết chi phí bán hàng và sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp.

Và tại công ty việc lập các bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản vẫn còn hạn chế, điều này gây khó khăn cho kế toán trong việc đối chiếu sổ sách tại công ty, cụ thể công ty cần lập bảng tổng hợp chi tiết hàng hoá.

Về phương thức hạch toán kế toán: Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán, tuy nhiên hệ thống sổ sách và trình tự ghi sổ của công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Excel, Word và việc ghi chép còn rất thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất. Do vậy công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty. Ngoài ra công ty chưa có chính sách thu hút khách hàng, thúc đẩy tiêu thụ hàng hoá như: Chiết khấu thương mại (phản ánh qua tài khoản 521), giảm giá hàng bán (TK 531) do hàng hoá kém phẩm chất. Bên cạnh đó vấn đề cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt, quyết liệt, không đặt lợi ích khách hàng lên hàng đầu làm giảm hiệu quả của công tác tiêu thụ hàng hoá, giảm năng lực cạnh tranh trên thị trường.

Về trích lập các khoản dự phòng: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

3.1.3 Nguyên nhân của thực trạng

- Đất nước mới chuyển sang cơ chế thị trường vì vậy nền kinh tế còn kém phát triển.
- Hệ thống pháp luật chưa đầy đủ, không mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, quá trình xử lý vi phạm chưa nghiêm.
- Về phía tổ chức nghề nghiệp: hoạt động mang tính chất hình thức chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.
- Yêu cầu kiểm tra công tác kế toán tại công ty chưa đầy đủ, chưa chặt chẽ.
- Trình độ kế toán còn hạn chế, chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.
- Tinh thần tự giác, ý thức trách nhiệm của cán bộ kế toán chưa cao.

3.2. Ý NGHĨA CỦA VIỆC HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời

trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết. Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.4. NGUYÊN TẮC HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.5. CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH TMDV XNK QUANG TIẾN.

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.5.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên phòng tài vụ đều xử lý chứng từ chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho....phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

3.5.2. Kiến nghị 2: Về hệ thống sổ kế toán:

Công ty nên sửa lại mẫu sổ nhật ký chung (Mẫu S03a-DNN) theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Công ty nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) ; bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán) ; Sổ chi tiết vật liệu ,dụng cụ,hàng hóa ; bảng tổng hợp vật liệu, dụng cụ, hàng hóa theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Mẫu sổ:

CÔNG TY TNHH TM QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Mẫu số S03a-DNN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
...
			Cộng lũy kế					

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12. năm 2010

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH QUANG TIẾN
 45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S13-DNN
 Ban hành theo QĐ số
 48/2006/QĐ-BTC ngày
 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:			Tên tài khoản:						
Đối tượng:									
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					-	
			Số phát sinh trong kỳ						
			Cộng số phát sinh						
			Số dư cuối kỳ						
	Sổ này có trang, đánh số thứ tự từ số 01 đến trang... .								
	Ngày mở sổ:								

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
 Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH QUANG TIỀN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA(NGƯỜI BÁN)

Tài khoản:

Số hiệu TK:

Năm :

STT	Tên	Số Dư Đầu Kỳ		Số Phát Sinh		Số Dư Cuối Kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
	Cộng						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày...tháng...năm...
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP*Trường ĐHDL Hải Phòng*

CÔNG TY TNHH QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA

Mẫu số S07-DNN
 Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-
 BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
 BTC

Tài khoản:

Tên kho:

Tên, quy cách:

Đơn vị
 tính:
 VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	(3 = 1 x 2)	4	(5 = 1 x 4)	6	(7 = 1 x 6)	E
		Số tồn đầu kỳ									
		Cộng trong tháng									

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Ngày...tháng...năm...

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH QUANG TIỀN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S08-DNN

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ,
SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày
14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Tháng... năm ...

Đơn vị: VNĐ

Số thứ tự	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
	Tổng cộng				

Ngày...tháng...năm...

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ví dụ: Ngày 22 tháng 3 năm 2010, công ty bán cho công ty TNHH TM kỹ thuật Phương Đông 10 bàn gỗ. Tổng giá bán chưa có thuế GTGT là 51.800.000 (Thuế suất VAT 10%). Công ty chưa thanh toán số tiền trên.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết Hóa đơn GTGT ký hiệu BM/2007B số 0035019. Kế toán vào Sổ chi tiết bán hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333. Kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán), vào bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

CÔNG TY TNHH QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu TK: 131

Năm : 2010

STT	Tên	Số Dư Đầu Kỳ		Số Phát Sinh		Số Dư Cuối Kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
1	CT TNHH TM kỹ thuật Phương Đông	-		95.695.150	90.000.000	5.695.150	
2	CT CP TM vận tải Hoàng Hà	-		38.165.800	17.309.600	20.856.200	
	
	Cộng	159.217.353		1.913.903.000	1.790.160.592	363.959.761	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

Mẫu số S07-DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT HÀNG HÓA

Tài khoản: 156 Tên kho:

Tên, quy cách: Giá úp bát đĩa

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	(3 = 1 x 2)	4	(5 = 1 x 4)	6	(7 = 1 x 6)	E
		Số tồn đầu kỳ		260.000					4	1.040.000	
0042038	7/3	Mua hàng của Cty CP Mê Linh	111		5	1.345.315			9	2.385.315	
	16/3	Xuất kho bán cho cty CP TM vận tải Hoàng Hà	632	260.000			1	260.000	8	2.125.315	
		Cộng trong tháng			10	2.707.965	8	2.116.252	6	1.631.713	

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 3 năm 2010.

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT HÀNG HÓA****Mẫu số S08-DN**
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Tháng 3 năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Số thứ tự	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Giá để nồi	563.000	2.240.000	1.680.000	1.123.000
2	Bàn đá bếp-da nhựa	3.651.600	9.950.000	4.994.850	8.606.750
3	Giá úp bát đĩa	1.040.000	2.707.965	2.116.252	1.631.713
...
	Tổng cộng	74.982.780	161.960.198	143.590.305	93.352.673

Ngày 31 tháng 03 năm 2010.

Người lập
(Ký, họ tên)**Kế toán trưởng**
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH QUANG TIẾN
45 Trần Khánh Dư – Ngô Quyền - HP

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2010

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	Số thứ tự dòng	Số hiệu tài khoản đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...
22/03/2010	35019	22/03/2010	Bán hàng cho công ty TNHH TM kỹ thuật Phương Đông	x		131	56.980.000	
						511		51.800.000
						3331		5.180.000
...
31/3/2010		31/3/2010	Kết chuyển doanh thu thuần tháng 3	x		511	158.496.380	
						911		158.496.380
...
			Cộng lũy kế				14.607.142.064	14.607.142.064

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 12. năm 2010

Người lập

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

3.5.3. Kiến nghị 3: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán:

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ giành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
 - Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
 - Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
 - Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

3.5.4. Kiến nghị 4: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm

Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng được doanh thu, tăng lợi nhuận. Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thương mại.

Về khoản chiết khấu thương mại: Khoản chiết khấu thương mại của công ty nếu phát sinh nên hạch toán vào TK 521. TK 521 dùng để phản ánh toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do họ mua hàng với số lượng lớn hoặc vì một lý do ưu đãi khác.

Khi sử dụng tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

- + Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.
- + Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán như bán hàng sản phẩm hàng hóa cung cấp dịch vụ
- + Trong kỳ CKTM phát sinh thực tế được phản ánh bên nợ TK 521-CKTM
- + Cuối kỳ khoản CKTM được kết chuyển sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của khối lượng SP, HH dV thực tế thực hiện trong kỳ báo cáo

TK 521: Chiết khấu thương mại

- Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng(521)

- Bên Có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại (521) sang tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng thêm hình thức chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

- **Phương pháp kế toán:** Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, đồng thời thúc đẩy việc khách hàng thanh toán tiền sớm cho doanh nghiệp, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán của công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

3.5.5. Kiến nghị 5: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ, công ty nên mở TK 139 – “dự phòng phải thu khó đòi” là cần thiết.

Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xóa nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20 % tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

- **Phương pháp hạch toán:**

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng hàng

Hoặc ghi Có TK 138: phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ).

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ 111, 112:

Có TK 711: thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

3.5.6. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty:

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hoá. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Khó khăn lớn nhất hiện nay của công ty là sự cạnh tranh của các đơn vị nhỏ lẻ, sản xuất các sản phẩm nhái lại các sản phẩm của công ty, không đảm bảo chất lượng, công ty phải thay đổi kế hoạch trong công tác sản xuất kinh doanh sao cho vừa đáp ứng nhu cầu về lượng cho mọi khách hàng và vừa đảm bảo về giá cả trên thị trường mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo công ty cần có những chính sách, chiến lược để đối phó với tình hình hiện nay. Hơn nữa, đề nghị công ty nên có biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ ngành hàng kinh doanh. Để góp phần nâng cao hiệu quả quảng cáo, công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

Với phương châm thảo mãn tốt nhu cầu của khách hàng về hàng hoá. Công ty cần tạo ra một hệ thống các cơ sở đại lý để cung cấp hàng hóa đến tay khách hàng một cách thuận tiện.

Trên cơ sở đó công ty nên mở một số cơ sở đại lý bán hàng ở những khu vực thích hợp, công ty sẽ phải đầu tư thêm vốn để đưa sản phẩm của mình tới khách hàng bằng con đường nhanh nhất. Đồng thời, nó còn giúp công ty nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm tránh tình trạng không thu hồi được vốn và việc sản xuất kinh doanh không được liên tục.

3.6. Điều kiện thực hiện các giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến.

+ *Về phía nhà nước*: xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ, có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt, xử lý các doanh nghiệp vi phạm.

+ *Về phía công ty*: ban lãnh đạo công ty kiểm tra chặt chẽ công tác kế toán.

Công ty phải có khả năng tài chính, đầu tư trang thiết bị, máy móc để phục vụ cho công tác kế toán. Trong quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, chấp hành nghiêm chỉnh về quản lý tài chính. Công ty nên quan tâm tạo điều kiện cho nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Bên cạnh đó nhân viên kế toán phải có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần trách nhiệm.

+ *Về phía tổ chức nghề nghiệp*: cần phải hoạt động tích cực, hiệu quả hơn nữa

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Tiến sĩ Trần Văn Hợi đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Sinh viên

Cao Thị Lan Chi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Kế toán tài chính (tái bản lần thứ 4 đã chỉnh lý bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005)
3. Kế toán doanh nghiệp (theo luật kế toán mới – nhà xuất bản thống kê Hà Nội)
4. Các khoá luận năm trước
5. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty TNHH TMDV XNK Quang Tiến
6. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (TS. Phạm Duy Đoàn – nhà xuất bản tài chính)